

BÀI 4
SỨC SỐNG CỦA SỬ THI
(8 tiết)

(Đọc: 4 tiết; Thực hành tiếng Việt: 1 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 1 tiết)

I. Mục tiêu

1. Về năng lực

1.1. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học; Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

1.2. Năng lực đặc thù: *Năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học.*

- HS Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của sử thi: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật.

- HS biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản; biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật và mối quan hệ giữa chúng; nêu được ý nghĩa của tác phẩm đối với người đọc.

- HS hiểu được cách đánh dấu phần bị tình lược trong văn bản, cách chú thích trích dẫn, cước chú.

- HS viết được báo cáo nghiên cứu, có sử dụng trích dẫn, cước chú; có hiểu biết về quyền sở hữu trí tuệ và tránh đạo văn.

- Biết thuyết trình về một vấn đề; nghe và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói; biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình.

2. Phẩm chất

- Yêu nước: yêu thiên nhiên, yêu di sản văn hóa văn học, yêu con người.

- Nhân ái: có thái độ quý trọng hiền tài, nuôi dưỡng đời sống tâm hồn phong phú, có khả năng rung động trước vẻ đẹp của cuộc sống, biết đồng cảm với người khác.

- Chăm chỉ: rèn luyện tinh thần hiếu học.

- Trách nhiệm: Biết trân trọng các giá trị tinh thần to lớn được thể hiện trong những sáng tác ngôn từ thời cổ đại truyền đến ngày nay.

A. ĐỌC

A.1. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Ngày dạy A2:

A1. HÉC - TO TỪ BIỆT ẮNG - ĐRÔ - MÁC
(TRÍCH I - LI - ÁT) , HÔ - ME - RƠ

I. Mục tiêu

1. Về năng lực

* Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: HS tự tìm kiếm tri thức liên quan đến văn bản theo bộ câu hỏi định hướng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS làm việc nhóm thực hiện các nhiệm vụ học tập.

* Năng lực đặc thù:

- Năng lực văn học:

+ Nhận biết và phân tích được một số yếu tố đặc trưng của thể loại sử thi được thể hiện trong văn bản như nhân vật, cốt truyện, không gian, thời gian, lời kể sử thi.

+ Hiểu được đặc sắc của văn hoá cổ Hy Lạp qua sử thi I-li-át.

+ Hiểu được nội dung bao quát của văn bản, biết phân tích các chi tiết tiêu biểu trong văn bản.

+ Hiểu được ảnh hưởng của sử thi I-li-át trong văn hoá của nhân loại và ý nghĩa, giá trị của sử thi đối với đời sống đương đại.

- Năng lực ngôn ngữ:

+ HS biết đọc hiểu ngôn từ nghệ thuật; phân tích và đánh giá chủ đề, các đặc điểm cơ bản của sử thi.

+ HS vận dụng năng lực ngôn ngữ để viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề.

2. Về phẩm chất

- Yêu nước: HS biết cách xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa riêng và chung, sống có lí tưởng và trách nhiệm với cộng đồng.

- Trách nhiệm: Biết trân trọng các giá trị tinh thần to lớn được thể hiện trong tác phẩm.

II. Thiết bị dạy học và học liệu:

- Máy tính, tivi.

- Phiếu học tập, tranh, ảnh/video,...

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế cho HS trước khi nghiên cứu bài học

- Học sinh được định hướng, huy động những kiến thức, tri thức đã có, khơi dậy sự tò mò với bài học.

b. Nội dung:

- Trình chiếu video: <https://www.youtube.com/watch?v=QAHKqRCJG60>

- HS quan sát và trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

HS xem video và trả lời câu hỏi

1. Video đề cập đến cuộc chiến nào? Em đã biết những thông tin gì về cuộc chiến đó?
2. Sau khi xem video, em ấn tượng nhất về điều gì? Hãy chia sẻ với cả lớp.
3. Giả sử phải lựa chọn giữa việc thực hiện bốn phận với cộng đồng và với gia đình, em sẽ giải quyết tình huống ấy như thế nào?
4. Hãy chia sẻ thêm thông tin về những cuộc chiến tranh khác mà bạn biết. Theo bạn, những cuộc chiến tranh đó đã tác động thế nào đến số phận con người? Nếu sống trong bối cảnh cuộc chiến đó, bạn sẽ cảm thấy thế nào, sẽ hành xử ra sao?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS xem video, tư duy nhanh, tự do phát biểu cá nhân.

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

HS trả lời câu hỏi

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS và dẫn vào bài học.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu

- Học sinh nhận biết và phân tích được một số yếu tố đặc trưng của thể loại sử thi được thể hiện trong văn bản như nhân vật, cốt truyện, không gian, thời gian, lời kể sử thi.
- Học sinh nhận xét được đặc sắc của văn hóa Hy Lạp cổ đại qua Sử thi I-li-át.
- Học sinh nhận xét nội dung bao quát của văn bản, biết phân tích các chi tiết tiêu biểu. trong văn bản, phân tích hình tượng người anh hùng trong Sử thi Hy Lạp.
- Học sinh xác định được ảnh hưởng của Sử thi I-li-át trong văn hóa của nhân loại và ý nghĩa, giá trị của sử thi đối với đời sống đương đại.
- Học sinh vận dụng tri thức đọc hiểu để tìm hiểu các yếu tố: nhân vật, cốt truyện, không gian, thời gian, lời kể sử thi trong văn bản “Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác”.
- Học sinh vận dụng năng lực viết để thực hành viết kết nối đọc sau bài học.

b. Nội dung

- HS đọc SGK, làm việc nhóm để hoàn thành các câu hỏi, từ đó hiểu được nội dung khái quát của bài học.
- HS đọc VB, vận dụng “*Tri thức ngữ văn*”, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, kết quả sản phẩm của nhóm.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

I. Tri thức ngữ văn

Hướng dẫn HS tìm hiểu tri thức ngữ văn

CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Học sinh trình bày phiếu giao nhiệm vụ trước khi học

B2. HS thực hiện nhiệm vụ

- HS hoàn thành phiếu giao nhiệm vụ trước khi học

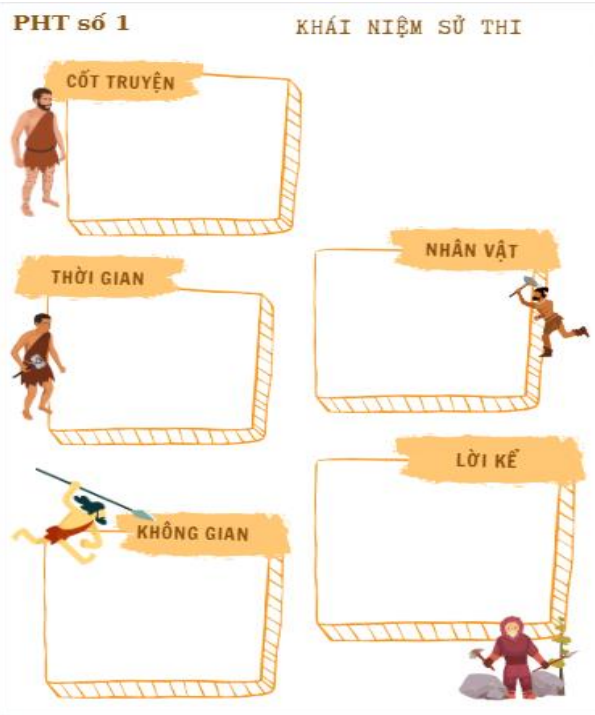
B3. Báo cáo, thảo luận

- HS báo cáo bằng PHT, gửi bài trên padlet

B4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét, cùng học sinh chuẩn hóa kiến thức

Nhiệm vụ 1. Đọc phần tri thức ngữ văn trang 97, 98 hoàn thành PHT số 1



Nhiệm vụ 2: Đọc phần giới thiệu về tác giả Hô – me – rơ và sử thi I – li – át, đoạn trích Héc – to từ biệt Ăng – đrô - mác trang 103, 104, tra cứu thêm thông tin, hoàn thành nội dung trong PHT số 2

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Câu hỏi	Câu trả lời	Điều còn thắc mắc	Bổ sung
Giới thiệu về tác giả Hô – me – rơ			
Giới thiệu về sử thi I – li – át			
Giới thiệu đoạn trích Héc – to từ biệt Ăng – đrô - mác			

II. Đọc văn bản, tìm hiểu khái quát

1. Đọc văn bản

- GV phân vai, yêu cầu HS đọc thành tiếng trước lớp. Trong quá trình đọc, HS chú ý phân biệt giọng của người kể chuyện và giọng của các nhân vật trong văn bản.

- GV nhắc HS chú ý đến các chỉ dẫn bên phải văn bản. GV hướng dẫn HS trao đổi về những câu hỏi hoặc những nội dung cần lưu ý trong phần chỉ dẫn.

+ Chỉ dẫn 1: GV lưu ý HS về những chi tiết miêu tả hành động của Ăng-đrô-mác: nghe tin thành Tơ-roa phải thoái lui, nàng “vội vã tới toà tháp lớn thành I-li-ông”, “vừa đi vừa chạy lên thành, đầu không ngoảnh lại”. Hành động này cho thấy nỗi lo lắng, sự quan tâm của nàng dành cho người chồng nơi chiến trận và cả thân dân thành Tơ-roa của mình.

+ Chỉ dẫn 2: GV lưu ý HS những dự cảm không lành của Ăng-đrô-mác về tương lai, bắt nguồn từ chính những nỗi đau thương, mất mát mà nàng đã từng gánh chịu trong quá khứ. Những dự cảm này cho thấy sự khủng khiếp của chiến tranh, khi nó không chỉ gây nên những đau khổ trong quá khứ mà còn trở thành một nỗi ám ảnh trong tương lai. GV có thể cho HS đọc kĩ các chi tiết để cảm nhận được nỗi đau khổ thống thiết của nhân vật và nghệ thuật miêu tả tài tình của Hô-me-rơ.

+ Chỉ dẫn 3: GV yêu cầu HS đọc kĩ lời đối thoại của Héc-to với Ăng-đrô-mác để tìm ra lí lẽ khiến Héc-to vẫn quyết tâm ra trận. Ở đây, cần chú ý đến sự đối lập giữa một bên là dự cảm không lành của Héc-to về tương lai, nỗi đau khổ, thương xót của chàng với số phận đáng thương của gia đình và thành bang, còn một bên là quyết tâm ra trận của Héc-to, xuất phát từ những lí lẽ chính: (1) Bào nhiệt huyết và ý thức về danh dự buộc chàng phải can trường chiến đấu, giành vinh quang cho bản thân; (2) Bồn phận và trách nhiệm của một người đàn ông là phải bảo vệ thành khi có chiến tranh; (3) Định mệnh là tất yếu, không ai có thể trốn chạy khỏi số phận.

2. Tìm hiểu khái quát

a. Cốt truyện sử thi I – li – át

Tìm hiểu cốt truyện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ:

GV tổ chức trò chơi Tiếp sức

Giáo viên phát cho mỗi nhóm các thẻ sự kiện sắp xếp lộn xộn về diễn biến của sử thi I - li - át.

- Các nhóm lần lượt thay nhau lên bảng xếp các thẻ sự kiện theo diễn biến đúng. Nhóm nào hoàn thành sớm thì chiến thắng.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

Học sinh chia nhóm và thực hiện trò chơi.

Bước 3: Báo cáo và thảo luận kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên xem kết quả của từng nhóm trên bảng.

Bước 4. Đánh giá và kết luận

Giáo viên cùng HS chuẩn hóa những kiến thức cơ bản về nội dung, nghệ thuật các truyện thần thoại.

Tìm hiểu bố cục đoạn trích

a. Cốt truyện sử thi I – li – át

1. Cuộc chiến vây hãm thành Tơ-roa của quân A-kê-en, tức quân Hy Lạp không phân thắng bại.
2. Thỏa thuận về cuộc chiến tay đôi chấm dứt chiến tranh không thành, quân Hy Lạp và quân Tơ-roa tiếp tục giao chiến.
3. Quân Hy Lạp giành thế áp đảo, hoàng tử Héc-to quay vào thúc giục binh sĩ, khẩn cầu A-tê-na. Chàng ghé về nhà thăm vợ con.
4. Héc-to ra trận, dùng cảm chiến đấu.
5. Quân Tơ-roa đánh lui quân Hy Lạp.
6. Héc-to giết chết Pa-tơ-rô-clơ.
7. Nỗi đau thương và khát vọng trả thù thôi thúc A-khin quay lại chiến trường, giành thế áp đảo cho quân Hy Lạp.
8. A-khin giết chết Héc-to, kéo xác chàng quanh thành.
9. A-khin trả lại thi hài Héc-to cho vua Pri- am khi xúc động trước nỗi đau của người cha tới chuộc xác con.

b. Đoạn trích

- Đoạn trích được trích từ câu 370 đến 496, khúc ca VI, Sử thi I-li-át.
- Bố cục: Đoạn trích có thể chia làm 3 đoạn:
 - + Đoạn 1: từ đầu đến “xông vào nơi đó”. Hành động và tâm trạng của Ăng - đrô - mác.
 - + Đoạn 2: Tiếp theo đến “xé ruột của nàng” - Hành động và tâm trạng của Héc - to.

	+ Đoạn 3: Còn lại – quyết định của Héc - to,
III. KHÁM PHÁ VĂN BẢN	
Hướng dẫn tìm hiểu nguyên nhân Héc – to phải từ biệt Ăng – đrô - mác Bước 1: Giáo viên giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đặt đoạn trích trong tác phẩm Sử thi I-li-át để xác định: <i>Biến cố nào dẫn đến việc Héc-to phải từ biệt Ăng-đrô- mác? Vì sao có thể xem đó là biến cố đặc trưng cho thể loại sử thi</i> Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận cặp đôi Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ HS báo cáo kết quả làm việc các HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện GV bổ sung, góp ý (nếu cần)	1. Nguyên nhân Héc – to phải từ biệt Ăng – đrô – mác - Biến cố quan trọng dẫn đến việc Héc-to phải - từ biệt Ăng-đrô-mác là việc thành Tơ-roa bị quân Hy Lạp vây hãm -> tình thế đầy nguy hiểm, thách thức. Ý nghĩa: - Biến cố này đặt nhân vật Héc-to vào tình thế bắt buộc phải chọn lựa: + Ở lại thành Tơ-roa để giữ an toàn cho bản thân. + Hay mở cổng thành, ra trận nghênh chiến với kẻ thù để thực hiện bổn phận và bảo toàn danh dự. ->Thông qua quyết định lựa chọn đó, nhân vật bộc lộ rõ phẩm chất của mình. - Đây là một biến cố đặc trưng của sử thi vì nó là sự kiện lớn, liên quan đến vận mệnh của cộng đồng. 2. Đặc trưng của không gian sử thi trong đoạn trích <i>Héc-to về tới ngôi nhà êm ấm của mình, nhưng không thấy Ăng-đrô-mác cánh tay trắng ngần trong buồng như thường lệ”, “nàng đứng trên tháp canh nức nở”, “bà vừa đi vừa chạy lên thành”, “Héc-to tức thì rời nhà, chạy ngược theo những dãy phố thành Tơ-roa xây dựng khang trang. Xuyên qua phố xá thành Tơ-roa rộng lớn, chàng tới cổng Xkê”...</i> - Không gian công cộng rộng lớn + Ăng-đrô-mác đứng trên tháp canh, + Héc-to chạy ngược qua các dãy phố, tới cổng Xkê - Không gian cộng đồng là không gian đặc trưng của sử thi. + Chiến trường, thành lũy, tháp canh, phố xá,... không chỉ là nơi nhân vật sử thi bộc lộ sức mạnh phi thường và phẩm chất can trường của mình, mà còn làm nên cho những tình cảm riêng tư nhất của con người. + Người anh hùng sử thi cũng là người gắn bó mật thiết với mảnh đất quê hương của họ, sự sống và cái chết, niềm vinh quang và nỗi đau khổ của họ đều gắn liền với sự tồn vong, thịnh suy của thành lũy, pháo đài, những không gian thiêng liêng mà họ sẵn sàng bảo vệ dù phải hi sinh tính mạng.
Hướng dẫn tìm hiểu đặc trưng của không gian sử thi, nhân vật sử thi Bước 1: Giáo viên giao nhiệm vụ Chia lớp thành 5 nhóm - Không gian diễn ra sự việc Héc – to từ biệt Ăng – đrô – mác (PHT số 3) - Nhân vật Héc – to (PHT số 4) - Nhân vật Ăng – đrô – mác (PHT số 5) - Cuộc đối thoại giữa Héc – to và Ăng – đrô – mác (PHT số 6) - Tìm hiểu ngôn ngữ sử thi (PHT số 7) Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận theo nhóm lớn trong thời gian 10p Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ HS báo cáo kết quả làm việc các HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện GV bổ sung, góp ý (nếu cần)	

3. Nhân vật sử thi

a. Nhân vật Héc - to

- Xuất thân: hoàng tử, con vua Priam -> xuất thân cao quý

- Ngoại hình: *Héc – to sáng láng khiến đồng, mũ trụ sáng loáng ...*-> vẻ đẹp như một vị thần

- Lời nói: *“Nhưng sẽ hổ thẹn xiết bao với những chiến binh và những người phụ nữ thành Tơ-roa xống áo thướt tha, nếu ta ở lại đây như kẻ hèn nhất, đứng nhìn từ xa, tránh không xung trận. Hơn nữa, bầu nhiệt huyết trong ta không cho phép ta làm vậy: từ lâu ta đã học cách luôn ở tuyến đầu, can trường, chiến đấu, giành vinh quang cho thân phụ và bản thân” ...*

- Hành động: quyết định mở công thành ngênh chiến với quân Hy Lạp.

-> Ý thức về nỗi hổ thẹn nếu không xung trận, bầu nhiệt huyết, khát vọng chiến đấu, giành vinh quang cho thân phụ và bản thân chính là động cơ thôi thúc Héc-to ra trận.

⇒ Nhân vật sử thi là nhân vật đại diện cho cộng đồng, hành động theo nguyên tắc danh dự. Ở đây, ta có thể thấy, những tình cảm cá nhân như tình cảm gia đình, nỗi sợ hãi, lo lắng về tương lai dù rất sống động, vẫn bị gạt sang một bên trước bổn phận và danh dự.

- Phẩm chất:

+ Héc-to là người hết lòng thương yêu gia đình

+ Dũng cảm, ngoan cường, coi trọng danh dự, sẵn sàng hi sinh để bảo vệ thành bang, sẵn sàng gạt tình riêng vì nghĩa lớn

⇒ Phẩm chất của người anh hùng đại diện cộng đồng.

- Hình mẫu về người anh hùng theo quan niệm của người Hy Lạp cổ đại qua nhân vật Héc-to: Sự kết hợp hài hòa giữa:

+ Con người cá nhân với ý chí tự do, tình cảm gia đình, tình bằng hữu bổn phận và danh dự

+ Con người cộng đồng với ý thức về trách nhiệm, bổn phận và danh dự.

⇒ Tính hài hòa sử thi này đã tạo nên vẻ đẹp cao cả của các nhân vật anh hùng trong sử thi Hi Lạp.

b. Nhân vật Ăng-đrô-mác

- Lời nói:

+ *“Ôi, chàng thật tệ! Lòng can đảm của chàng sẽ hủy hoại chàng!”*

+ “Ra trận, bọn A-kê-en nhất loạt xông lên sẽ tức khắc hạ sát chàng, chẳng mấy nữa thiếp thành góa phụ. Thiếp nguyện xuống mồ sâu còn hươn để mất chàng. Chàng bỏ thiếp lại một mình, còn gì tha thiết trên cõi đời này nữa”. + “Xin chàng hãy rủ lòng thương thiếp và con mà đừng ra trận, hãy ở lại trên tháp canh này, đừng để trẻ thơ phải mồ côi, vợ hiền thành góa phụ”. + “Hãy bố trí một tóa quân chốt chặn chỗ cây vả, nơi dễ leo lên tường thành, dễ vào thành nhất. Đã ba lần, những dũng sĩ quả cảm dưới sự chỉ huy của I-đô-mê-nê danh tiếng, của hai gã A-giắc, hai người con lừng danh của A-tơ-rê và người con trai dũng mãnh của Ti-đê tấn công vào chính chỗ này” + ... - Hành động: + Nghe tin quân A-kê-en khí thế áp đảo, những chiến binh Tơ-roa buộc phải rút lui, phu nhân vội vã tới tòa tháp lớn thành I-li-ông. - Phẩm chất: Từ những hành động và lời nói của Ăng-đrô-mác một mặt cho thấy tình yêu thương của nàng đối với Héc-to, một mặt cho thấy ý thức về bổn phận của Ăng-đrô-mác. Trong tận cùng nỗi lo lắng và đau khổ, Ăng-đô-mác vẫn không quên nghĩ đến bổn phận và trách nhiệm của mình đối với thành Tơ-roa. - Nghệ thuật xây dựng nhân vật và quan niệm nhân sinh của người Hy Lạp: + Tác giả miêu tả rất tinh tế diễn biến nội tâm của nhân vật Ăng-đrô-mác, đặc biệt là những ám ảnh về quá khứ, dự cảm về tương lai, sự đau khổ, giằng co giữa một bên là tình yêu đối với Héc-to, một bên là ý thức về bổn phận. + Qua nhân vật Ăng-đrô-mác, ta cũng có thể thấy được ý thức về cá nhân và cộng đồng của người Hy Lạp cổ đại. c. Đối thoại của Héc- to và Ăng – đrô – mác			
Phân tích cuộc đối thoại của Héc to và Ăng – đrô – mác			
Hoàn cảnh	Lời nói của Héc to	Lời nói của Ăng – đrô – mác	Nhận xét tính cách nhân vật
Khi mới gặp	+ <i>Phu nhân ơi, cả ta cũng lo lắng khôn nguôi về mọi điều nàng nói.</i> => Đồng cảm với tâm trạng của người vợ.	+ <i>Ôi, chàng thật tệ! Lòng can đảm của chàng sẽ huỷ hoại chàng! Chàng chẳng biết thương cả con trai thơ dại, cả người mẹ thiếu nảo này... Chàng bỏ thiếp</i>	Lời của Ăng-đrô-mác chứa đựng sự hoảng sợ và đau khổ tột cùng khi biến cố xảy ra. Đó là lời của một

	+ Nhưng sẽ hổ thẹn xiết bao với những chiến binh và những người phụ nữ thành Tơ-roa xống áo thướt tha, nếu ta ở lại đây, như kẻ hèn nhất, nhìn từ xa, tránh không xung trận. Hơn nữa, bầu nhiệt huyết trong ta không cho phép ta làm vậy: từ lâu ta đã học cách luôn ở tuyến đầu, can trường chiến đấu, giành vinh quang cho thân phụ và bản thân. => Nói về phương châm sống của mình: coi trọng danh dự, dũng cảm, ngoan cường, luôn hành động vì cộng đồng, vì niềm vinh quang của dòng dõi đế vương. + Ta biết, bằng cả trái tim và lí trí, tự ta biết rõ: sẽ tới ngày thành Tơ-roa thiêng liêng thất thủ. => Dự cảm được tương lai đen tối của thành bang. + Song điều làm tim ta tan vỡ không chỉ là nỗi thống khổ sẽ tới của những thần dân thành Tơ-roa, của chính hoàng hậu Hê-cu-ba và quốc vương Pri-am, không chỉ là nỗi thống khổ của đàn em trai ta rồi đây sẽ bị đòn thù ác nghiệt quật ngã xuống đất bụi mịt mờ, mà còn là nỗi thống khổ của nàng! => Dự cảm về những thống khổ mà người thân phải chịu đựng, tiên	lại một mình, còn gì thiết tha trên cõi đời này nữa. => Trách móc Héc-to không thương xót vợ con + Phận thiếp toàn những khổ đau. Thiếp chẳng còn cha, mẹ hiền cũng không còn nữa... Rồi cả bảy người anh cùng cha với thiếp, chỉ trong một ngày, lần lượt đi về thế giới bên kia. => Nhắc đến cuộc đời đau khổ của mình để đánh động lòng thương của Héc-to. Héc to chàng hỡi, giờ đây với thiếp chàng là cha và cả mẹ kính yêu, chàng là cả anh trai duy nhất, cả đức lang quân cao quý của thiếp. Xin chàng hãy rủ lòng thương thiếp và con mà đừng ra trận, hãy ở lại trên tháp canh này, đừng để trẻ thơ phải mồ côi thiếp biến thành góa phụ => Lời van nài khẩn thiết, thăm nào lay động tâm can.	người vợ lo sợ mất chồng, một người mẹ đang cố giữ cha cho con mình. Vì nàng - đã viện mọi lí lẽ để thuyết phục Héc- to đừng ra trận. Điềm nhìn của Ăng- đrô-mác là điềm nhìn của một người phụ nữ bình thường, không màng đến vinh quang chiến trận, chỉ mong giữ được gia đình, mong người chồng bình an. - Lời Ăng-đrô-mác còn là của một nạn nhân chiến tranh. Chiến tranh không những cướp đi sinh mệnh của những người thân yêu của Ăng-đrô-mác, mà còn trở thành một nỗi sợ hãi, ám ảnh, thành dự cảm chẳng lành của nàng khi nghĩ về tương lai. - Lời của Héc-to là lời một người đàn ông hết lòng thương yêu gia đình, - nhưng hơn hết, chàng là người dũng cảm, ngoan cường, coi trọng danh dự, sẵn sàng hi sinh để bảo vệ thành bang, sẵn sàng gạt tình riêng vì nghĩa
--	---	---	--

	lượng được bi kịch thảm khốc mà Ăng-đrô- mác phải nếm trải,		lớn Đó là những phẩm chất của người anh hùng đại diện cho cộng đồng. - Thông qua nhân vật Héc-to, Hô-me- rơ đưa ra hình mẫu về người anh hùng theo quan niệm của người Hy Lạp thời cổ đại: đó là sự kết hợp hài hoà giữa một bên là con người cá nhân với ý chí tự do, tình cảm gia đình, tình bằng hữu và một bên là con người cộng đồng với ý thức về trách nhiệm, bổn phận và danh dự. “Tính hài hoà sử thi” này đã tạo nên vẻ đẹp cao cả của các nhân vật anh hùng trong sử thi Hy Lạp.
Lúc chia tay	Với con trai, với vợ, Héc to là người chồng, người cha tràn đầy tình thương yêu, âu yếm, chăm chút, lo lắng, xót thương hết lòng nhưng đã gạt tình riêng để làm tròn bổn phận, trách nhiệm của người đàn ông, người chủ soái đối với cộng đồng.	Ăng-đrô-mác dù đau đớn tan nát nhưng vẫn mỉm cười trong nước mắt, từ biệt chồng. Nàng là người vợ dịu hiền, hết lòng yêu chồng nhưng cũng hiểu rất rõ tầm vóc, phẩm cách của người anh hùng. Van nài khẩn cầu chồng đừng ra trận nhưng nàng vẫn gắng làm yên lòng chồng lúc chia tay.	Người vợ cũng là một biểu tượng cho tinh thần anh hùng sử thi.
Khái quát về kiểu nhân vật sử thi - Xuất thân cao quý. - Ngoại hình: đẹp hoàn hảo. - Sức mạnh thể chất phi thường.			

- Có trái tim nồng ấm yêu thương.
- Có tinh thần thượng võ, lòng quả cảm phi thường; là con người trọng danh dự, đặt bổn phận với cộng đồng cao hơn bản thân.
- Nhân vật Héc-to được miêu tả cụ thể từ trang phục, hình dáng, phong thái, lời nói, ý chí chiến đấu và tình cảm đời thường nhưng không phải là một cá nhân cụ thể, độc lập mà là **biểu tượng của khát vọng, ý chí, vẻ đẹp cộng đồng**.
- Hội tụ đầy đủ những vẻ đẹp hoàn - mỹ nhất của cộng đồng. Nhân vật anh hùng tiêu biểu cho sức mạnh thể chất, ý chí và trí thông minh, lòng dũng cảm của cộng đồng. Con người thời cổ đại luôn gửi vào nhân vật anh hùng khát vọng, lí tưởng về một vẻ đẹp tuyệt đối từ vẻ ngoài đến bề sâu phẩm chất, tính cách. Tất cả những phẩm chất ấy được miêu tả trong vẻ đẹp kì diệu khác thường, mang dáng dấp của những vị thần trong thần thoại.
- Chính hình mẫu này là một yếu tố làm nên sức hấp dẫn của sử thi.

4. Ngôn ngữ sử thi

Ngữ liệu	Đặc điểm ngôn ngữ
1. Nhưng sẽ hổ thẹn xiết bao với những chiến binh và những người phụ nữ thành To-roa xông áo thướt tha, nếu ta ở lại đây, như kẻ hèn nhát, đứng nhìn từ xa, tránh không xung trận. Hơn nữa, bầu nhiệt huyết trong ta không cho phép ta làm vậy: từ lâu ta đã học cách luôn ở tuyến đầu, can trường chiến đấu, giành vinh quang cho thân phụ và bản thân.	Ngôn từ trang trọng, kiểu cách, hoa mỹ
2. Ấng-đrô-mác cánh tay trắng ngần, Héc-to sáng loáng khiên đồng, Héc-to lẫy lừng, mũ trụ sáng loáng, vua Pri-am cùng thần dân giương cao ngọn giáo của người A-khin sáng láng, Một gã A-kê-en sáng loáng khiên đồng, nhũ mầu xông áo thướt tha	Dùng định ngữ đi kèm tên nhân vật để làm nổi bật đặc điểm chính
3. A-khin có đôi chân nhanh đã hạ sát lão vương cha thiếp, triệt phá tận nền móng thành Te-bơ cổng lớn tường cao, đô thị đẹp đẽ của những người Ki-li-kiêng. Tự tay bắn đã hạ sát vua Ê-ê-xi-ông, song không dám tước vũ khí, bởi hãi sợ hành vi không chính trực tự tâm can.	Lời văn giàu hình ảnh, so sánh tính ngữ cố định
4. Hấn thiêu nguyên thi hài của người cùng vũ khí tinh xảo, vun đất thành gò chôn cất. Quanh gò mọc lên những cây tiểu du do những nàng con gái thần Dớt choàng áo da dê, những tiên nữ nanh - phơ chăm sóc. Rồi cả bảy người anh cùng cha với thiếp, chỉ trong một ngày, lần lượt đi về thế giới bên kia. Họ bị A-khin sáng láng, con trai của Pê- lê, đánh bại tại bãi chôn những đàn bò đủng đỉnh và những đàn cừ lông trắng như mây.	Lời văn giàu hình ảnh, so sánh tính ngữ cố định
5. Một gã A-kê-en sáng loáng khiên đồng sẽ tới bắt nàng đi. Lã chã tuôn dòng lệ đắng, nàng sẽ không còn ngày tháng tự do. Nàng sẽ phải làm nô lệ, ở Ác-gốt dệt vải cho người, hay phải lặn lội tới tận lạch nguồn sông Mét-xê-ít, Hi-pê-rê lấy nước cực nhọc trăm bề, đắng cay muôn nỗi.	Lời văn trùng điệp, nhịp nhàng, giàu nhạc tính, tính biểu cảm cao
6. Trong phục trang diễm lệ, Ấng-đrô-mác toát lên vẻ cao quý của nàng công chúa con vua Ê-ê-xi-ông quả cảm. Vua Ê-ê-xi-ông sống ở dưới chân núi rừng Pla-cốt. Ông là đại thống lãnh của những người Ki-li-kiêng thành Te-bơ. Người con gái được nhà vua gả cho Héc-to sáng loáng khiên đồng chính là nàng Ấng-đrô-mác.	Giọng điệu ngợi ca, thành kính, trang nghiêm
Do sử thi tồn tại dưới hình thức truyền miệng, song lại có dung lượng lớn, câu chuyện vì thế không được kể liên tục mà bị ngắt quãng thành nhiều đoạn, do đó, để giúp người nghe có thể	

ghi nhớ, có ấn tượng sâu sắc về các nhân vật, người kể chuyện sử thi phảo lập đi lập lại các từ ngữ miêu tả nhân vật. Những từ ngữ này thường được gọi là **TÍNH NGỮ CỐ ĐỊNH**, là một trong những đặc trưng rất quan trọng của thể loại sử thi.

Rubrics đánh giá thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (Dưới 5 điểm)	ĐẠT YÊU CẦU (Từ 5 – dưới 7 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (Từ 7 – dưới 8 điểm)	XUẤT SẮC (Từ 8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	- Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả. - Sai lỗi nhiều chính tả.	- Bài làm còn sơ sài, trình bày tương đối đầy đủ, đáp ứng tương đối về kiến thức cần đạt. - Sai một số lỗi chính tả.	- Bài làm tương đối đầy đủ, đáp ứng tương đối kiến thức cần đạt. - Không có lỗi chính tả.	- Bài làm đầy đủ, đảm bảo đúng theo yêu cầu. - Khoa học, có sự sáng tạo. - Không mắc lỗi.
Nội dung (6 điểm)	- Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm. - Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn. - Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	- Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn. - Trả lời đúng trọng tâm. - Có ít nhất 1 ý mở rộng nâng cao.	- Trả lời tương đối đúng và đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn. - Trả lời đúng trọng tâm. - Có ít nhất 2 ý mở rộng nâng cao.	- Trả lời tốt các câu hỏi gợi dẫn - Trả lời đúng trọng tâm - Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao trở lên. - Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	- Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ - Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	- Các thành viên gắn kết tương đối chặt chẽ. - Vẫn còn 2 thành viên không tham gia hoạt động.	- Các thành viên gắn kết chặt chẽ. - Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động.	- Hoạt động gắn kết tốt. - Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo. - Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động.
Điểm				

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Hiểu được cách miêu tả nhân vật qua lời nói, hành động từ đó khắc sâu đặc trưng của thể loại sử thi
- Bày tỏ được quan điểm của bản thân.

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

4. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ:

Đoạn trích Héc-tô từ biệt Áng-đrô-mác đã đặt ra những vấn đề nhân sinh nào? Những vấn đề đó còn có ý nghĩa với đời sống ngày nay không? Vì sao?

B2. HS thực hiện nhiệm vụ

- HS làm việc cá nhân

B3. Báo cáo, thảo luận

- HS báo cáo, nhận xét, bổ sung, phản biện

B4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét, cùng học sinh chuẩn hóa kiến thức

tuỳ theo góc nhìn, trải nghiệm riêng của HS mà các em có thể đưa ra những kiến giải khác nhau.

GV cần tôn trọng và ghi nhận các quan điểm khác nhau của HS. Dưới đây là một số gợi ý:

– Đoạn trích đã đặt ra vấn đề số phận của con người trong chiến tranh. Chiến tranh không những cướp đi sinh mệnh của những người thân yêu của Ăng-đrô-mác, mà còn trở thành một nỗi sợ hãi, ám ảnh, thành dự cảm chẳng lành của nàng khi nghĩ về tương lai. Trong hình dung của Héc-to, chiến tranh không những có thể khiến chàng bị vùi xác nơi sa trường, mà còn để lại những nỗi thống khổ, nhục nhã và đau xót cho người thân của chàng. Vấn đề này là vấn đề muôn thuở của nhân loại, vì ngày nay, chiến tranh vẫn luôn là nỗi ám ảnh của nhiều quốc gia trên thế giới.

– Đoạn trích đặt ra vấn đề trách nhiệm và bổn phận của con người với cộng đồng. Héc-to đã quyết tâm mở cổng thành vì trách nhiệm, bổn phận của chàng là bảo vệ thành Tơ-roa. Con người dù sống ở bất cứ thời đại nào đều là một cá thể trong cộng đồng, đều có những nghĩa vụ và trách nhiệm nhất định với cộng đồng của mình. Vì thế, vấn đề được đặt ra trong sử thi cũng là vấn đề có ý nghĩa nhân loại.

Đoạn trích gợi những suy tư về mối quan hệ giữa con người và định mệnh. Héc-to và Ăng-đrô-mác đều có dự cảm và thậm chí biết rõ sẽ tới ngày thành Tơ-roa thất thủ, đều biết rõ cái chết và nỗi đau khổ sẽ xảy đến với mình. Nhưng ý thức về danh dự và bổn phận đã giúp cho Héc-to đủ can đảm đối diện với định mệnh. Tuy quan niệm của con người đương đại về định mệnh có thể khác với quan niệm của người Hy Lạp cổ xưa, nhưng những suy tư về định mệnh vẫn thường trực trong tâm thức nhân loại ở bất cứ thời đại nào. Vũ khí để con người chống chọi với định mệnh chính là khả năng nghĩ đến nhau, kết nối, thương yêu nhau trong một cộng đồng và ý thức về bổn phận, danh dự đối với cộng đồng như minh chứng cho sự tồn tại của một nhân cách.

Đọc đoạn trích *Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác*, ta không những có thể hiểu thêm về những quan niệm của người Hy Lạp cổ đại về thế giới, mà còn có thể chất vấn những quan niệm đó, để hiểu hơn về chính đời sống của chúng ta ngày nay. Sức sống và giá trị của sử thi còn nằm ở chính khả năng gợi nên những chất vấn này.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- HS viết được đoạn văn đúng quy cách.
- HS chọn được vấn đề bàn luận.
- Thể hiện được quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc của mình một cách rõ ràng và thuyết phục.
- Vận dụng kiến thức, hiểu biết của mình trong thực tế

b. Nội dung:

- Trả lời câu hỏi
- Viết đoạn văn nghị luận

c. Sản phẩm:

- Câu trả lời của HS
- Đoạn văn 150 chữ

d. Tổ chức thực hiện.

B1. Chuyển giao nhiệm vụ:

Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một chi tiết mà bạn cho là đặc sắc nhất trong đoạn trích *Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác*.

B2. HS thực hiện nhiệm vụ

- HS làm việc cá nhân ở nhà

B3. Báo cáo, thảo luận

- HS nộp bài trên padlet

B4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung cùng học sinh chuẩn hóa kiến thức

Gợi ý: Chi tiết Ăng-đrô-mác tắt tả cùng nhũ mẫu bỗng đưa bé chạy lên thành nghe ngóng tình hình chiến trận; chi tiết Héc-to vội vã băng qua phố xá thành Tơ-roa tìm vợ con; cuộc đối thoại giữa Ăng-đrô-mác và Héc-to; lời kể của Ăng-đrô-mác về những mất mát từng phải gánh chịu qua chiến tranh và lời khuyên chồng ở lại trong thành; chi tiết Héc-to bỏ mũ trụ bỗng con lên, nói lời nguyện cầu; chi tiết kết thúc trích đoạn – lời dặn dò của Héc-to với Ăng-đrô-mác và cảnh chia tay;...

- GV hướng dẫn các bước phân tích chi tiết trong văn bản:

(1) Phát hiện chi tiết nổi bật, giàu ý nghĩa trong văn bản;

(2) Chỉ ra tác dụng, ý nghĩa của chi tiết trong khắc hoạ tính cách nhân vật, xác định bối cảnh, thể hiện tư tưởng chủ đề;

(3) Đánh giá nghệ thuật miêu tả chi tiết.

Rubrics đánh giá

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (Dưới 5 điểm)	ĐẠT YÊU CẦU (Từ 5 – dưới 7 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (Từ 7 – dưới 8 điểm)	XUẤT SẮC (Từ 8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	- Bài làm còn sơ sài, trình bày câu thả. - Sai lỗi nhiều chính tả.	- Bài làm còn sơ sài, trình bày tương đối đầy đủ, đáp ứng tương đối về kiến thức cần đạt. - Sai một số lỗi chính tả.	- Bài làm tương đối đầy đủ, đáp ứng tương đối kiến thức cần đạt. - Không có lỗi chính tả.	- Bài làm đầy đủ, đảm bảo đúng theo yêu cầu. - Khoa học, có sự sáng tạo. - Không mắc lỗi.
Nội dung (7 điểm)	- Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm. - Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn. - Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện.	- Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn. - Trả lời đúng trọng tâm. - Có ít nhất 1 ý mở rộng nâng cao.	- Trả lời tương đối đúng và đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn. - Trả lời đúng trọng tâm. - Có ít nhất 2 ý mở rộng nâng cao.	- Trả lời tốt các câu hỏi gợi dẫn - Trả lời đúng trọng tâm - Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao trở lên. - Có sự sáng tạo
Điểm				

TỔNG		
-------------	--	--

*** HƯỚNG DẪN HỌC SINH HỌC BÀI Ở NHÀ**

- Học bài cũ và hoàn thành các bài tập
- Chuẩn bị bài 4: *Đăm Săn đi bắt Nữ thần Mặt Trời*

Dựa vào kiến thức trong SGK, sự hiểu biết, tìm hiểu của bản thân. Hãy hoàn thành các nhiệm vụ sau:

(Có thể trình bày những điều em biết tìm hiểu, tra cứu bằng tranh, sơ đồ tư duy, video, ppt ...

NHIỆM VỤ TRƯỚC KHI HỌC		
Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu một số tri thức về sử thi Đăm Săn (dung lượng, nội dung, nghệ thuật, giá trị ...)		
Những điều em ĐÃ BIẾT về chủ đề hôm nay (K)	Những điều em MUỐN BIẾT về chủ đề hôm nay (W)	Những điều em HỌC ĐƯỢC về chủ đề hôm nay (L)
.....		
.....		
.....		
.....		
.....		
.....		
.....		
.....		
.....		
.....		
.....		
.....		
.....		
.....		
Nhiệm vụ 2. Đọc văn bản, nêu các sự kiện chính trong văn bản (bằng sơ đồ tư duy)		

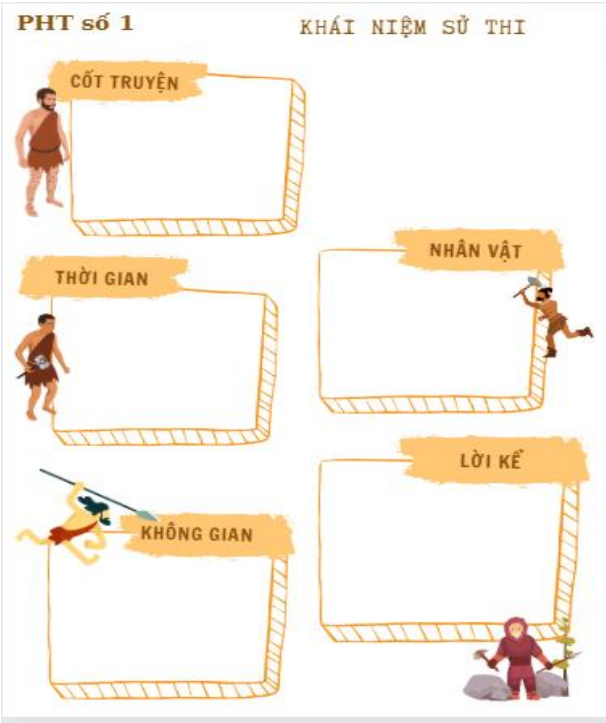
- Nhiệm vụ 3:** Tìm hiểu và chia sẻ với các bạn thông tin về một đặc điểm văn hoá của người Ê-đê (ví dụ: trang phục, ẩm thực, nhà ở, lễ hội,...):
- Nhóm 1.** Làm một poster giới thiệu trang phục của người Ê-đê: Sưu tầm ảnh chụp, video,... về một bộ trang phục của người Ê-đê, tìm hiểu về chất liệu, cách làm, các họa tiết, sự biến đổi trong trang phục của người Ê-đê từ truyền thống đến hiện đại, ý nghĩa văn hoá, triết lí, quan niệm ẩn sau các trang phục đó.
- Nhóm 2.** Thuyết trình về ẩm thực của người Ê-đê: Giới thiệu một món ăn truyền thống của người Ê-đê, các nguyên liệu, cách chế biến, hương vị, ý nghĩa văn hoá của món ăn.

Nhóm 3. Làm mô hình nhà ở của người Ê-đê: Tìm hiểu về chất liệu, cách xây dựng, cách bài trí không gian, ý nghĩa văn hoá của ngôi nhà, sau đó sử dụng các vật liệu quen thuộc như bìa các-tông, gỗ để sáng tạo mô hình một ngôi nhà của người Ê-đê.

Nhóm 4. Thuyết trình về phong tục của người Ê-đê: Giới thiệu một số phong tục (đặc điểm, ý nghĩa...)

PHỤ LỤC BÀI HÉC TO TỪ BIỆT ẮNG – ĐRO – MÁC

Nhiệm vụ 1. Đọc phần tri thức ngữ văn trang 97, 98 hoàn thành PHT số 1



Nhiệm vụ 2: Đọc phần giới thiệu về tác giả Hô – me – rơ và sử thi I – li – át, đoạn trích Héc – to từ biệt Ắng – đro - mác trang 103, 104, tra cứu thêm thông tin, hoàn thành nội dung trong PHT số 2

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Câu hỏi		Câu trả lời	Điều còn thắc mắc	Bổ sung
Giới thiệu về tác giả Hô – me – rơ				
Giới thiệu về sử thi I – li – át				
Giới thiệu đoạn trích Héc – to từ biệt Ắng – đro - mác				

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Tìm hiểu không gian sử thi

- *Trước khi gặp Ăng-đrô-mác, Héc- to tìm nàng ở đâu? Nơi đó được mô tả như thế nào?*
- *Héc-to tìm thấy Ăng-đrô-mác ở đâu? Nơi đó được mô tả như thế nào?*
- *Vì sao nơi Héc- to từ biệt Ăng-đrô- mac không phải là không gian riêng tư?*
- *Không gian đặc trưng của sử thi là không gian nào?*
- *Không gian đó có giá trị như thế nào đối với việc xây dựng hình tượng nhân vật anh hùng sử thi?*

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Tìm hiểu về nhân vật Héc – to

- **Xuất thân**
- **Ngoại hình**
- **Lời nói**
- **Hành động**
- **Phẩm chất**

=> **Nhận xét về nhân vật anh hùng sử thi:**

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Tìm hiểu về nhân vật Ăng – đrô - mac

- **Xuất thân**
- **Ngoại hình**
- **Lời nói**
- **Hành động**

- Phẩm chất

=> **Nhận xét về nhân vật người vợ của anh hùng sử thi:**

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6

Phân tích cuộc đối thoại của Héc to và Ăng – đrô – mác

Hoàn cảnh	Lời nói của Héc to	Lời nói của Ăng – đrô – mác	Nhận xét tính cách nhân vật
Khi mới gặp			
Lúc chia tay			

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 7

Tìm hiểu ngôn ngữ sử thi

Ngữ liệu	Đặc điểm ngôn ngữ
1. Nhưng sẽ hổ thẹn xiết bao với những chiến binh và những người phụ nữ thành To-roa xống áo thướt tha, nếu ta ở lại đây, như kẻ hèn nhát, đứng nhìn từ xa, tránh không xung trận. Hơn nữa, bầu nhiệt huyết trong ta không cho phép ta làm vậy: từ lâu ta đã học cách luôn ở tuyến đầu, can trường chiến đấu, giành vinh quang cho thân phụ và bản thân.	
2. Ăng-đrô-mác cánh tay trắng ngần, Héc-to sáng loáng khiên đồng, Héc-to lẫy lừng, mũ trụ sáng loáng, vua Pri-am cùng thần dân giương cao ngọn giáo của người A-khin sáng láng, Một gã A-kê-en sáng loáng khiên đồng, nhũ mầu xống áo thướt tha	
3. A-khin có đôi chân nhanh đã hạ sát lão vương cha thiếp, triệt phá tận nền móng thành Te-bơ cổng lớn tường cao, đô thị đẹp đẽ của những người Ki-li-kiêng. Tự tay bắn đã hạ sát vua Ê-ê-xi-ông, song không dám tước vũ khí, bởi hãi sợ hành vi không chính trực tự tâm can.	
4. Hần thiêu nguyên thi hài của người cùng vũ khí tinh xảo, vun đất thành gò chôn cất. Quanh gò mọc lên những cây tiểu du do những nàng con gái thần Dớt choàng áo da dê, những tiên nữ nanh - phơ chăm sóc. Rồi cả bảy người anh cùng cha với thiếp, chỉ trong một ngày, lần lượt đi về thế giới bên kia. Họ bị A-khin sáng láng, con trai của Pê- lê, đánh bại tại bãi chẵn những đàn bò đứng đĩnh và những đàn cừu lông trắng như mây.	
5. Một gã A-kê-en sáng loáng khiên đồng sẽ tới bắt nàng đi. Lã chã tuôn dòng lệ đắng, nàng sẽ không còn ngày tháng tự do. Nàng sẽ phải làm nô lệ, ở Ác-gốt dệt vải cho người, hay phải lặn lội tới	

tận lạch nguồn sông Mét-xê-ít, Hi-pê-rê lấy nước cực nhọc trăm bề, đắng cay muôn nỗi.	
6.Trong phục trang diễm lệ, Ăng-đrô-mác toát lên vẻ cao quý của nàng công chúa con vua Ê-ê-xi-ông quả cảm. Vua Ê-ê-xi-ông sống ở dưới chân núi rừng Pla-cốt. Ông là đại thống lĩnh của những người Ki- li-kiêng thành Te-bơ. Người con gái được nhà vua gả cho Héc-to sáng loáng khiến đóng chính là nàng Ăng-đrô-mác.	

Để tiết sau

Bước 1: Giáo viên giao nhiệm vụ HS trả lời câu hỏi: Theo em, những yếu tố nào tạo nên sức hấp dẫn của sử thi ? Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận theo nhóm theo bàn Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ HS báo cáo kết quả làm việc các HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện GV bổ sung, góp ý (nếu cần)	5. Sức hấp dẫn của sử thi -
---	---

A2. Văn bản 2: ĐĂM SĂN ĐI BẮT NỮ THẦN MẶT TRỜI

(Trích *Đăm Săn*), Sử thi Ê - đê

I. Mục tiêu

1. Về năng lực

* Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: HS tự tìm kiếm tri thức liên quan đến văn bản theo bộ câu hỏi định hướng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS làm việc nhóm thực hiện các nhiệm vụ học tập.

* Năng lực đặc thù:

- Năng lực văn học:

+ Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của sử thi: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật.

+ Biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản, biết phân tích các chi tiết tiêu biểu trong văn bản.

+ Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc.

- Năng lực ngôn ngữ:
- + HS biết đọc hiểu ngôn từ nghệ thuật.
- + HS viết được báo cáo nghiên cứu về một vấn đề.

2. Phẩm chất:

- Yêu nước: Trân trọng di sản văn học của cha ông
- Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học.
- Trách nhiệm: Hướng đến lối sống tích cực, hoàn thiện nhân cách bản thân. Biết trân trọng những giá trị tinh thần to lớn được thể hiện trong sử thi.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Thiết bị: Máy tính, màn hình ti vi, phiếu học tập.
- Học liệu: SGK, các hình ảnh, kế hoạch dạy học...

III. Tổ chức hoạt động dạy học

HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế cho HS trước khi nghiên cứu bài học
- Học sinh huy động tri thức đã học, sự hiểu biết của bản thân để giải quyết vấn đề.

b. Nội dung:

HS trả lời câu hỏi /làm theo yêu cầu của GV

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

HS xem video: Đi tìm lời ru nữ thần mặt trời

- *Cảm nhận của em về bài hát?*
- *Em hiểu như thế nào về ý nghĩa biểu tượng của mặt trời trong một số nền văn hóa?*

Hoặc trưng bày, giới thiệu sản phẩm được giao

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS xem video, tự do phát biểu cá nhân.

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

HS trả lời câu hỏi

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS và dẫn vào bài học.

Bầu trời”, “Mặt trời”, là hiện thân của xã hội văn hóa mẫu hệ của người Tây Nguyên.

Biểu tượng Mặt Trời là một biểu tượng phổ biến trong nhiều nền văn hoá khác nhau. Trong thần thoại Hy Lạp, Mặt Trời được nhân cách hoá thành thần Hê-li-ốt (Helios), điều khiển cỗ xe Mặt Trời để phân phát ánh sáng cho thế gian. Người Trung Quốc có thần thoại *Hậu Nghệ bắn Mặt Trời*,... Ở mỗi nền văn hoá khác nhau, biểu tượng Mặt Trời lại có hàm nghĩa rất khác nhau. Theo *Từ điển biểu tượng văn hoá thế giới*⁽¹⁾, ở châu Úc, Mặt Trời được coi là con trai của Đấng Sáng tạo và là gương mặt thần thánh

khoan ái loài người... Pla-tông (Platon), một nhà triết học Hy Lạp cổ đại coi Mặt Trời là hình ảnh của điều thiện. Trong kinh Vệ đà, Mặt Trời là con mắt của thế giới. Biểu tượng Mặt Trời còn xuất hiện trở đi trở lại trong các tác phẩm văn chương và in dấu trong nhiều hoạt động văn hoá của con người.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- HS trình bày được một số thông tin về sử thi Đăm Săn
- Học sinh liệt kê được ác sự kiện chính trong văn bản và sắp xếp theo trình tự hợp lí
- Học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản thông qua phân tích cách triển khai các luận điểm của tác giả.
- HS phát hiện, phân tích được các chi tiết miêu tả nhân vật từ đó nhận xét, đánh giá về vẻ đẹp, phẩm chất của nhân vật cũng như ước mơ, khát vọng của cộng đồng.
- HS nhận xét, đánh giá được đặc điểm ngôn ngữ sử thi

b. Nội dung:

- Đọc văn bản, trả lời câu hỏi, hoàn thành phiếu học tập

c. Sản phẩm: phiếu học tập, câu trả lời.

d. Tổ chức thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Hướng dẫn tìm hiểu chung CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH: B1. Chuyển giao nhiệm vụ: HS trình bày nhiệm vụ học tập số 1 B2. HS thực hiện nhiệm vụ - HS trả lời PHT đã chuẩn bị B3. Báo cáo, thảo luận - HS báo cáo, nhận xét B4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và kết luận HS bổ sung kiến thức vào PHT	I. Vài nét về sử thi Đăm Săn - Tên đầy đủ <i>Bài ca về chàng Đăm Săn</i>, của người Ê-đê, Tây Nguyên. - Dung lượng: 2.077 câu - Hình thức diễn xướng theo lối kể khan, trong đó già làng vừa kể, vừa hát, vừa biểu lộ nét mặt, điệu bộ để diễn tả câu chuyện bên bếp lửa nhiều đêm liền, trong các nhà dài, trên chòi rẫy, vào dịp lễ hội hay lúc nông nhàn.
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: – GV phân vai, yêu cầu HS đọc thành tiếng trước lớp. Trong quá trình đọc, HS chú ý phân biệt giọng của người trần thuật và giọng của các nhân vật trong văn bản. – HS chú ý đến các chỉ dẫn bên phải văn bản và nhận định chung về ý nghĩa của chúng. - Trình bày PHT nhiệm vụ 2 B2. HS thực hiện nhiệm vụ - HS trả lời PHT đã chuẩn bị B3. Báo cáo, thảo luận	II. Đọc văn bản Các sự kiện chính (1) Đăm Săn rủ Đăm Par Kvây đi bắt Nữ thần Mặt Trời. (2) Đăm Par Kvây khuyên Đăm Săn không nên đi vì đường đi nguy hiểm, Đăm Săn có thể chết trong Rừng Sáp Đen. (3) Đăm Săn vẫn quyết tâm đến nhà của Nữ Thần Mặt Trời. (4) Đăm Săn gặp Nữ thần Mặt Trời, ngỏ ý muốn lấy nàng làm vợ. (5) Nữ thần Mặt Trời từ chối và khuyên Đăm Săn trở về.

- HS báo cáo, nhận xét B4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và kết luận HS bổ sung kiến thức vào PHT	(6) Đăm Săn trở về và chết trong Rừng Sáp Đen.
Hướng dẫn HS tìm hiểu nhân vật sử thi, ngôn ngữ sử thi, không gian sử thi B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Chia lớp thành 5 nhóm, hoàn thành phiếu học tập 1, 2, 3, 4, 5 B2. HS thực hiện nhiệm vụ Thảo luận nhóm lớn hoàn thành PHT B3. Báo cáo, thảo luận - HS báo cáo, nhận xét B4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và kết luận HS bổ sung kiến thức vào PHT	III. Khám phá văn bản 1. Nhân vật sử thi a. Nhân vật Đăm Săn * Ngoại hình: + <i>Chàng giắt chà gác lên, rồi ngồi xuống, trông nghênh nghênh như còn rắn trong hang, ngang như con cọp trong đầm, như con tê giác trong thung.</i> + <i>Chàng oai như một vị thần...</i> + <i>mặc một áo lụa đẹp, khoác ngoài một áo chiến cũng thật là đẹp. Lông chân như chải, lông đùi như chuốt, tiếng nghe như chong chóng gỗ mỡ.</i> -> Nhân vật mang vẻ đẹp ngoại hình phi thường, mạnh mẽ. * Hành động + <i>Chồm lên hai lần, chàng leo hết cầu thang. Chàng giậm chân trên sàn sên, hai lần sàn sên làm như vỗ cánh, bảy hàng cột nhà chao qua chao lại từ đông sang tây.</i> + <i>Chàng nói nói cười cười, tiếng oang oang như sấm găm sét dậy.</i> + <i>Chàng đi hết rừng rậm núi xanh, cỏ tranh xé tay, gai mây đâm chân, không màng ăn uống. Chàng đi, đi mãi</i> -> hành động dứt khoát, dũng cảm, kiên quyết * Lời nói: + <i>Tôi đi đây chẳng vì công này, cũng không vì việc nọ. Tôi đến rủ diêng, muốn cùng diêng giáp mặt bàn xem chúng ta đi bắt Nữ Thần Mặt Trời có được hay không?</i> + <i>Người dũng tướng chắc chết mười mươi vẫn không lùi bước há cũng không vào đó được sao... Diêng không cho tôi đi tôi cũng mặc...</i> + <i>Tôi không về. Với cây chà gác phát rầy này, tôi đã rạch rừng tôi đi. Tôi đã giết tê giác trong thung, giết cọp beo trên núi, giết kên kên qua đừ trên ngọn cây, chém ma thiêng ác quỷ trên đường đi. Tôi thương nàng da diết, lòng dạ tôi khôn nguôi, vì vậy tôi đã đến đây với nàng, muốn cùng nàng nên nghĩa vợ chồng, có lấy được nàng tôi mới về.</i>

-> Lời nói thể hiện ý chí mãnh liệt và khát vọng lớn lao, muốn chinh phục của nhân vật Săn.

- **Vẻ đẹp tính cách:** dũng cảm phi thường, có khát vọng và lí tưởng lớn lao; sự kiên trì và quyết tâm thực hiện hành động; mang ý chí tự do.

=> **Ý nghĩa của hình tượng nhân vật:** Đăm Săn là nhân vật đại diện cho cộng đồng, là hiện thân cho vẻ đẹp và sức mạnh hình thể, phẩm chất dũng cảm, khát vọng lớn lao chinh phục tự nhiên, mở mang lãnh thổ, ý chí tự do của cộng đồng Ê-đê.

b. Nhân vật Nữ Thần Mặt Trời

- **Không gian, nhà của Nữ Thần:**

+ *Cầu thang trông như cái cầu vồng. Cối giã gạo bằng vàng, chày cũng bằng vàng. Chày của tù trưởng giàu có này giã gạo trông cứ lấp la lấp lánh.*

+ *Tòa nhà dài dằng dặc, voi vây chặt sàn sân, như vò vẽ di chuyển hoa, các xà ngang xà dọc đều thếp vàng. Khắp các nhà giàu có, không thấy đâu có một ngôi nhà như vậy cả.*

-> Nữ Thần Mặt Trời là biểu tượng của những vùng đất mới.

- **Ngoại hình:**

+ *Nàng mặc một váy ánh như sét, loáng như chớp. Mái tóc vàng vén bên tai trông thật là đẹp.*

+ *Tiếng nàng lanh lảnh, người chưa tới mà tiếng đã vẳng lại.*

+ *Trước mặt Đăm Săn là một cô gái có thân hình như cái nụ tai, cổ như cổ công, nàng rõ ràng là con của Thần Đất và Thần Trời.*

-> Xinh đẹp và quyến rũ

- **Hành động:**

+ *Nàng đi trông như điều bay ó liệng, như nước lững lờ trôi cũng không bằng.*

+ *Lỡ chân bước hụt chẳng, nàng liền tẩn ngần đứng lại hay ngồi xuống không một ai giống nàng cả.*

-> Nữ Thần Mặt Trời biểu trưng của chế độ mẫu hệ với vẻ đẹp quyền lực và nữ tính.

- **Lời nói:**

+ *Nếu ta đi thì lợn dưới gà trên, cọp tê giác trâu ngựa sẽ chết hết. Chết người Kur, người Lào vì hết đất làm nương. Chết cả người Ê-đê Ê-ga vì không còn nước uống. Chết cả gặm ghì cu xanh vì không còn trái ăn. Nếu ta đi, cây trong rừng*

sẽ tuyệt diệt, cây trên núi sẽ chết khô, lau lách sẽ ngừng đâm chồi, cỏ cây sẽ tàn lụi, đất đai sẽ nứt nẻ, sông suối sẽ cạn khô.

+ Ta là con của Thần Trời...

-> Nữ Thần Mặt Trời là biểu trưng cho sức mạnh của tự nhiên.

=> **Ý nghĩa của hình tượng nhân vật:** Nữ Thần Mặt Trời là nhân vật biểu trưng cho chế độ mẫu hệ trong văn hóa của đồng bào Ê-đê; biểu trưng cho những khát vọng, ước mơ chinh phục thiên nhiên của con người.

2. Phân tích một số chi tiết tiêu biểu, đặc sắc

- Hành động đi bắt Nữ Thần Mặt Trời của Đăm Săn:

+ Thể hiện khát vọng lớn lao và phẩm chất dũng cảm phi thường của Đăm Săn, thể hiện khát vọng chinh phục tự nhiên của cộng đồng người Ê-đê.

+ Hành động quyết tâm đi bắt Nữ Thần Mặt Trời của Đăm Săn biểu trưng cho xung đột quyền giữa người đàn ông và người phụ nữ trong xã hội mẫu hệ Ê - đê

+ Hành động quyết tâm đi bắt Nữ Thần Mặt Trời của Đăm Săn biểu trưng cho khát vọng chinh phục những vùng đất mới của cộng đồng.

+ Đăm Săn quyết tâm đi bắt Nữ Thần - Mặt Trời, bất chấp can ngăn của mọi người. Hành động đó thể hiện ý chí tự do của người anh hùng mang lí tưởng cộng đồng.

- **Chi tiết** *Tôi đành quay về làng hoang nhà cũ của tôi vậy, tôi quay về ăn thịt trâu thịt bò của tôi vậy; Sống được chết đành! Tôi về đây; ngựa tiếp tục chạy; cứ bước một đi mãi; nó vẫn rầm rập bước tới:*

+ Dù biết mình sẽ chết trong rừng Sáp Đen nhưng Đăm Săn vẫn kiên quyết trở về.

+ Thể hiện quan niệm của cộng đồng: nhân vật sử thi là nhân vật hành xử theo nguyên tắc danh dự.

+ Nhân vật sử thi là nhân vật của cộng đồng. Họ là một phần của xóm làng. Dù có chinh phục miền đất mới, phiêu lưu tới những xứ sở xa xôi, thì nơi chốn thực sự của họ bao giờ cũng là quê hương, cộng đồng của mình.

+ Sứ mệnh của Đăm Săn là phục vụ cho cộng đồng của mình. Hành động của Đăm Săn là đại diện cho ý nguyện của cộng đồng. Vì thế, khi

chí nguyện không thành, Đăm Săn phải quay trở lại với cộng đồng của mình, dù hành trình đó đầy những thử thách và nguy hiểm

- + Hành động Đăm Săn bất chấp cảnh báo của Nữ Thần Mặt Trời cũng có thể biểu hiện những nỗ lực chống lại định mệnh để khẳng định ý chí tự do của con người.

- **Cái chết của Đăm Săn** *Cho đến khi mặt trời đứng bóng thì ngựa không sao bước được nữa. Nó đã bị ngập đến ngang lưng đến mức cả ngựa, cả Đăm Săn đều chìm xuống*

- + Cái chết của Đăm Săn càng tô đậm phẩm chất dũng cảm, ý chí tự do, quyết tâm mãnh liệt và ý thức về danh dự của người anh hùng, dù có chết cũng không từ bỏ lí tưởng của mình.

- + Cái chết là một thách thức mới và cũng là thách thức cao nhất cho ý chí ý tự do và lòng can đảm của Đăm Săn,

- + Mô tả cái chết của Đăm Săn là nhằm nhấn mạnh sự tái sinh của Đăm Săn trong hình tượng Đăm Săn cháu, người sẽ tiếp nối hành trình của cậu trong phần tiếp theo của sử thi.

- + Cái chết của Đăm Săn thể hiện bi kịch của người anh hùng cộng đồng trong hành trình chinh phục thiên nhiên, những vùng đất mới

3. Ngôn ngữ sử thi

a. Ngôn ngữ người kể chuyện

- Người kể chuyện ngôi thứ ba, kể từ điểm nhìn bên ngoài, là người kể chuyện hoà mình vào đám đông, vào cộng đồng để kể câu chuyện về chàng Đăm Săn.

Ai ai cũng từng nghe đồn Đăm Săn là một tù trưởng giàu mạnh, đầu đội khăn nhiễu, vai mang vải hoa; Tiếng xì xào ca ngợi chàng đã vọng tới tai Nữ Thần Mặt Trời ở nhà trong
Khắp các tù trưởng không một ai như chàng Đăm Săn cả...

- Giọng điệu ngợi ca là giọng điệu xuyên suốt văn bản, được thể hiện qua thủ pháp khoa trương, trùng điệp, lối so sánh ví von, cách sử dụng các tính ngữ cố định (cụm tính từ được lặp đi lặp lại chỉ đặc điểm của nhân vật) nhằm tô đậm vẻ đẹp và phẩm chất phi thường của chàng Đăm Săn.

Chàng giậm chân trên sàn sên, hai lần sàn sên như vỗ cánh, bay hàng cột nhà chao qua chao lại từ đông sang tây.

Chàng giắt chà gác lên, rồi ngồi xuống, trông nghênh nghênh như con cọp trong đầm, con tê giắc trong thung. Chàng nói nói cười cười, tiếng oang oang như sấm gầm sét dậy.

- Giọng điệu ngợi ca cũng được thể hiện qua những lời bình luận trực tiếp của người kể chuyện và nhịp điệu chậm rãi, khoan thai của lời kể.

=> Lời kể trong sử thi Đăm Săn có sự phối hợp khéo léo và hài hoà giữa kể, tả, bình luận, lời cuốn người đọc bằng lời miêu tả tỉ mỉ, giúp người đọc hình dung được một cách sống động về nhân vật, bối cảnh. Lời kể này vừa rất tiêu biểu cho lời kể của sử thi, vừa thể hiện sắc thái riêng của lời kể khan của người Tây Nguyên.

b. Lời của nhân vật

- Lời nhân vật thể hiện qua các lời đối thoại.

- Lời đối thoại thể hiện rõ giọng điệu, cá tính của từng nhân vật.

=> Lời nhân vật và các lời đối thoại đã góp phần khắc họa, làm nổi bật tính cách và phẩm chất của từng nhân vật.

4. Không gian nghệ thuật của sử thi

Không gian nghệ thuật trong văn bản được tổ chức thành hai mảng không gian chính: nhà/rừng (trục ngang), không gian của người/không gian của trời (trục dọc).

- Không gian nhà/rừng:

+ Nhà được miêu tả như là không gian văn hoá, nơi diễn ra các sinh hoạt cộng đồng của con người.

+ Rừng được miêu tả như là không gian thiên nhiên, với rất nhiều bí ẩn, thử thách sức mạnh, lòng kiên trì và quả cảm của người anh hùng.

+ Đường là ranh giới ngăn cách giữa những không gian rừng và nhà.

- Không gian của người/trời:

+ Rừng Sáp Đen là không gian ngăn cách giữa trời và đất, làm nổi bật khoảng cách giữa không gian của người và không gian của trời.

+ Hành động Đăm Săn - cưới ngựa, vượt qua những con đường gian nan, qua Rừng Sáp Đen để di chuyển qua những không gian này cho thấy những không gian này tuy có khoảng cách, nhưng vẫn tương thông với nhau: Người trần có thể xâm nhập vào không gian của trời, giao tiếp với thế giới thần linh, và thần linh cũng thường

	dễ dàng can dự vào không gian và đời sống của con người. => Cấu trúc không gian này thể hiện quan niệm của người Ê-đê về vũ trụ, trong đó trời và đất là một thể thống nhất, tương thông, trong vũ trụ, “vạn vật hữu linh” và có thể dễ dàng giao tiếp với nhau.
Hướng dẫn HS tìm hiểu về sức sống của sử thi Đăm Săn và đoạn trích Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Nhận xét về sức sống của sử thi qua các phương diện: - Nhân vật - Ngôn ngữ - Không gian nghệ thuật - Quan niệm tư duy của đồng bào Ê – đê B2. HS thực hiện nhiệm vụ HS làm việc nhóm theo bàn B3. Báo cáo, thảo luận - HS báo cáo, nhận xét B4. Kết luận, nhận định GV nhận xét và kết luận HS bổ sung kiến thức vào PHT	5. Sức sống của sử thi Đăm Săn và đoạn trích Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời - Phong tục, tập quán, tín ngưỡng của đồng bào Ê-đê: nhà ở trong nhà sàn, với nhiều hàng cột, nhiều xà ngang-dọc, có cầu thang; có nhiều vật dụng như chiêng, mâm đồng, chậu thau... biểu thị cho sự giàu có sung túc... - Quan niệm về người anh hùng của đồng bào Ê-đê qua nhân vật Đăm Săn: người anh hùng đại diện cho sức mạnh, ý chí của cộng đồng; mang vẻ đẹp khỏe khoắn, có những khát vọng và ước mơ lớn lao về chinh phục vũ trụ, thiên nhiên. - Cách kể chuyện chậm rãi, thường dừng lại ở những chi tiết, đoạn cao trào, tạo điểm nhấn và sự hồi hộp chờ đợi cho người đọc; lời kể thể hiện sắc thái riêng của lối kể khan của người Tây Nguyên; lời đối thoại thể hiện rõ giọng điệu, cá tính của từng nhân vật.
HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP a. Mục tiêu: - Đạt những yêu cầu về kỹ năng đọc hiểu văn bản, - Có khả năng vận dụng và mở rộng kiến thức b. Nội dung: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi. c. Sản phẩm: Câu trả lời d. Tổ chức thực hiện: B1. Chuyển giao nhiệm vụ HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm Câu 1: Giá trị nội dung của đoạn trích Đăm Săn đi bắt Nữ thần Mặt Trời là gì? A. Thể hiện tinh thần dũng cảm, can đảm lạc quan, liêu lĩnh và tinh thần chinh phục, quyết tâm đạt được ước mơ của con người thể hiện ở người anh hùng Đăm Săn. B. Khắc họa thành công văn hóa của người Ê-đê thể hiện trong nếp sống, sinh hoạt hằng ngày. C. Đưa ra cảnh tỉnh đối với con người, không nên theo đuổi một mục tiêu vượt quá giới hạn. <u>D. Tất cả các đáp án trên.</u> Câu 2: Giá trị nghệ thuật của đoạn trích là gì?	

A. Thể hiện những đặc trưng của thể loại sử thi trong ngôn từ, giọng điệu, dùng nhiều điển tích, điển cố.

B. Giọng kể xen lẫn giữa văn xuôi với văn vần.

C. Ngôn từ rõ ràng, súc tích, sử dụng hình thức nghệ thuật ngôn từ dân gian.

D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 3: Hành trình đến nhà Nữ thần Mặt Trời của Đăm Săn như thế nào?

A. Thú vị, nhiều trải nghiệm. B. Buồn tẻ, cô đơn.

C. Thuận lợi, nhàn nhã.

D. Nguy hiểm, vất vả, phải băng qua nhiều rừng rậm, núi xanh.

Câu 4: Hình tượng Nữ thần Mặt Trời trong sử thi Đăm Săn mang ý nghĩa gì?

A. Biểu tượng cho cái đẹp, là sự kết hợp của hai sự vật thiêng liêng giữa trời và đất.

B. Là lời cảnh báo cho những kẻ muốn theo đuổi mục tiêu đi quá giới hạn của con người.

C. Là biểu tượng cho sự sống của muôn loài.

D. Đáp án A và B.

Câu 5: Cái chết của Đăm Săn trong rừng Sáp Đen là một bài học cảnh tỉnh đối với con người, không nên theo đuổi một mục tiêu vượt quá giới hạn con người, đúng hay sai?

A. Đúng. B. Sai.

Câu 6: Đăm Par Kvây đã khuyên Đăm Săn điều gì khi chàng có ý định đi bắt Nữ thần Mặt Trời về làm vợ?

A. Cổ vũ, khuyên Đăm Săn hãy cố gắng hết sức mình để có thể cưới được Nữ thần Mặt Trời.

B. Suy nghĩ, đưa ra một số kế hoạch và khuyên Đăm Săn là theo.

C. Ngăn cản, khuyên Đăm Par Kvây không nên mạo hiểm đi vào chôn rừng thiêng nước độc.

D. Không khuyên nhủ gì cả.

Câu 7: Đăm Săn có thái độ và phản ứng như thế nào khi được Đăm Par Kvây khuyên nhủ?

A. Đồng tình, nghe theo lời khuyên của Đăm Par Kvây.

B. Phớt lờ, bỏ ngoài tai coi như không nghe thấy.

C. Vẫn giữ vững ý định, không run sợ trước những lời cảnh báo của Đăm Par Kvây và tự tin vào bản thân.

D. Sợ hãi, nao núng và lo lắng.

Câu 8: Vì sao Nữ thần Mặt Trời từ chối Đăm Săn?

A. Vì bản thân nàng là sự sống của muôn loài, nếu nàng đi thì mọi vật sẽ không còn sinh tồn được, sẽ chết hết.

B. Vì nàng là người đã có gia đình.

C. Vì nàng không có tình cảm với Đăm Săn.

D. Tất cả những lý do trên.

Câu 9: Qua văn bản, em nhận thấy những phẩm chất gì của nhân vật Đăm Săn?

A. Dũng cảm, kiên cường, ý chí và nghị lực phi thường.

B. Có tài trí hơn người.

C. Có lý tưởng cao cả, khát vọng lớn lao.

D. Tất cả các đáp án trên.

B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân

B3. Báo cáo kết quả

B4. Đánh giá, nhận xét:

GV đánh giá, nhận xét, cùng HS chuẩn hóa kiến thức

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG: KẾT NỐI ĐỌC VIẾT.**a. Mục tiêu:**

- HS viết được đoạn văn đúng quy cách.
- HS chọn được vấn đề bàn luận.
- Thể hiện được quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc của mình một cách rõ ràng và thuyết phục.

b. Nội dung: Viết đoạn văn nghị luận**c. Sản phẩm:** Đoạn văn 150 chữ**d. Tổ chức thực hiện:****Nhiệm vụ 1 (tại lớp)**

- *Qua hai đoạn trích Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác và Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời, hãy nêu những điểm tương đồng và khác biệt trong quan niệm của người Hy Lạp cổ đại và người Ê-đê về người anh hùng.*

Gợi ý:

- Hai nhân vật đều được miêu tả như những người anh hùng có sức mạnh phi thường, ý chí mạnh mẽ, phẩm chất can trường, ở sự dũng cảm dám đối mặt và vượt qua thách thức của định mệnh và cái chết.
- + ở nhân vật Héc-to, bình diện con người cá nhân được đặc biệt nhấn mạnh,
- + ở nhân vật Đăm Săn, bình diện cá nhân của con người không được chú trọng miêu tả.
- + Héc-to bất chấp cái chết đã được báo trước để bảo vệ thành bang
- + Đăm Săn bất chấp cái chết đã được báo trước để chinh phục Nữ Thần Mặt Trời.
 - Người anh hùng đều được coi là đại diện cho phẩm chất, sức mạnh, khát vọng của cộng đồng, đều hành động theo nguyên tắc danh dự.
- + với người Hy Lạp thời cổ đại, phẩm chất cao nhất của người anh hùng là sự hi sinh và bỏn phận với thành bang, ý thức công dân là phẩm chất quan trọng nhất của người anh hùng.
- + với người Ê-đê, phẩm chất quan trọng nhất của người anh hùng là khát vọng mở mang bờ cõi, chinh phục tự nhiên.

Qua việc phân tích nhân vật Đăm Săn và Héc-to, bạn có thể rút ra kinh nghiệm gì để có thể phân tích các nhân vật sử thi?

Bước 1. Tìm các chi tiết miêu tả hình dáng, hành động, lời nói của nhân vật trong văn bản.

Bước 2. Chỉ ra các phẩm chất, lí tưởng, khát vọng của nhân vật được thể hiện thông qua các chi tiết đó.

Bước 3. Phân tích và đánh giá về cách miêu tả nhân vật, thái độ của người kể đối với nhân vật.

Bước 4. Suy luận về ý nghĩa của nhân vật trong việc biểu đạt quan niệm, lí tưởng, khát vọng của cộng đồng.

Bước 5. Đặt nhân vật trong không gian diễn xướng của sử thi để thấy được vai trò, sức sống, ảnh hưởng của nhân vật trong truyền thống văn hoá của cộng đồng.

Nhiệm vụ 2 (HS hoàn thành ở nhà)

Phải chăng một tác phẩm sử thi ra đời ở một thời đại quá xa xôi như I-li-át hay Đăm Săn không còn nhiều ý nghĩa đối với con người hiện đại? Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ) trình bày quan điểm của bạn

- Hình thức: Đoạn văn.

- Dung lượng: 14 – 15 câu.

Rubrics đánh giá

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (Dưới 5 điểm)	ĐẠT YÊU CẦU (Từ 5 – dưới 7 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (Từ 7 – dưới 8 điểm)	XUẤT SẮC (Từ 8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	- Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả. - Sai lỗi nhiều chính tả.	- Bài làm còn sơ sài, trình bày tương đối đầy đủ, đáp ứng tương đối về kiến thức cần đạt. - Sai một số lỗi chính tả.	- Bài làm tương đối đầy đủ, đáp ứng tương đối kiến thức cần đạt. - Không có lỗi chính tả.	- Bài làm đầy đủ, đảm bảo đúng theo yêu cầu. - Khoa học, có sự sáng tạo. - Không mắc lỗi.
Nội dung (7điểm)	- Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm. - Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn. - Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện.	- Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn. - Trả lời đúng trọng tâm. - Có ít nhất 1 ý mở rộng nâng cao.	- Trả lời tương đối đúng và đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn. - Trả lời đúng trọng tâm. - Có ít nhất 2 ý mở rộng nâng cao.	- Trả lời tốt các câu hỏi gợi dẫn - Trả lời đúng trọng tâm - Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao trở lên. - Có sự sáng tạo
Điểm				
TỔNG				

PHỤ LỤC BÀI ĐĂM SẴN ĐI BẮT NỮ THẦN MẶT TRỜI

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Tìm hiểu nhân vật Đăm Sắn

Ngoại hình	Hành động	Lời nói	Vẻ đẹp tính cách

Ý nghĩa của hình tượng nhân vật:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Tìm hiểu nhân vật Nữ Thần Mặt Trời

Không gian nhà NT	Ngoại hình	Hành động	Lời nói
--------------------------	-------------------	------------------	----------------

Ý nghĩa của hình tượng nhân vật:			

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Phân tích một số chi tiết tiêu biểu đặc sắc

- *Hành động đi bắt Nữ Thần Mặt Trời của Đăm Săn có ý nghĩa như thế nào?*
- *Vì sao biết mình sẽ chết trong rừng Sáp Đen, nhưng Đăm Săn vẫn kiên quyết trở về?*
- *Cái chết của Đăm Săn có ý nghĩa như thế nào?*

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Tìm hiểu ngôn ngữ người kể chuyện

- *Người kể chuyện về chàng Đăm Săn ở ngôi kể thứ mấy? Giọng điệu xuyên suốt trong văn bản là giọng điệu như thế nào?*
- *Lời của nhân vật được thể hiện qua hình thức nào? Ý nghĩa của cách xây dựng lời nhân vật theo hình thức đó.*

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Tìm hiểu không gian nghệ thuật của sử thi

Các không gian chính được xây dựng	Hành động Đăm Săn vượt qua các không gian đó có ý nghĩa gì?	Nhận xét về ý nghĩa của cách xây dựng các không gian đó
------------------------------------	---	---

--	--	--

A3. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

SỬ DỤNG TRÍCH DẪN, CƯỚC CHÚ VÀ CÁCH ĐÁNH DẤU PHẦN BỊ TÌNH LƯỢC TRONG VĂN BẢN

I. Mục tiêu

1. Về năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: HS tự tìm kiếm tri thức liên quan đến văn bản theo câu hỏi, bài tập định hướng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS làm việc nhóm thực hiện các nhiệm vụ học tập.

*** Năng lực đặc thù:**

- Học sinh hiểu được cách đánh dấu phần bị tình lược trong văn bản.

- Học sinh hiểu được cách sử dụng trích dẫn và ghi cước chú.

- Vận dụng năng lực ngôn ngữ để giải bài tập.

2. Phẩm chất:

- Yêu nước: Có tình yêu, sự trân trọng với tiếng việt

- Trách nhiệm: Có ý thức trong việc tạo lập văn bản; Trung thực, chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân. Có ý thức tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Thiết bị: Máy tính, màn hình ti vi, phiếu học tập.

- Học liệu: SGK, các hình ảnh, kế hoạch dạy học...

III. Tổ chức hoạt động dạy học

HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế, kết nối vào bài học.

- Học sinh huy động tri thức đã học, sự hiểu biết của bản thân để giải quyết vấn đề.

b. Nội dung: Điền từ thích hợp

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Khi muốn trích dẫn một câu danh ngôn hay lời nói của nhân vật vào bài viết của mình, em sẽ làm thế nào?

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ, phát biểu tự do

B3: Báo cáo sản phẩm:

HS phát biểu, nhận xét, bổ sung

B4: Đánh giá, nhận xét:

GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS và dẫn vào bài học.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH TRI THỨC**a. Mục tiêu:**

- Tạo tâm thế, kết nối vào bài học.
- Học sinh huy động tri thức đã học, sự hiểu biết của bản thân để giải quyết vấn đề.

b. Nội dung: Điền từ thích hợp**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS**d. Tổ chức thực hiện:****B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

Chọn từ ngữ phù hợp (nguồn gốc, chú thích, phần tình lược, trích dẫn gián tiếp, trích trực tiếp) để điền vào vị trí đánh số thứ tự trong ngoặc dưới đây:

a) (1)... là phần thông tin ít quan trọng của văn bản gốc (theo cách nhìn và định hướng sử dụng văn bản của người tổ chức bản thảo) đã được rút ngắn, cắt bỏ giúp cho nội dung văn bản trích dẫn trở nên tập trung và cô đọng hơn. Phần này thường được đánh dấu bằng dấu ngoặc vuông và dấu ba chấm [...]

b) (2)... là trích nguyên văn từ, câu hoặc đoạn của người khác. Từ, câu, đoạn trích dẫn phải đặt trong dấu ngoặc kép.

c) (3)... là chỉ trích ý, không trích nguyên văn ý kiến của người khác. Phần trích này không phải đặt trong dấu ngoặc kép.

d) Để việc trích dẫn đảm bảo tính chính xác, khoa học, khách quan, các phần trích dẫn phải ghi rõ (4)..., bao gồm thông tin về tác giả, văn bản gốc, nơi công bố, thời gian công bố văn bản, số của các trang có đoạn trích.

đ) (5)... là giải thích để giúp người đọc biết rõ xuất xứ hoặc làm sáng tỏ khái niệm, từ ngữ,... được dùng trong văn bản. Phần này có thể đặt trong nội dung văn bản, chân trang hoặc cuối sách.

- Em hãy so sánh giữa hình thức trích dẫn trực tiếp và trích dẫn gián tiếp trong văn bản?

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS thảo luận cặp đôi

B3: Báo cáo sản phẩm:

HS phát biểu

B4: Đánh giá, nhận xét:

GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS và dẫn vào bài học.

Câu 1:

- (1) Phân tích lược
- (2) Trích dẫn trực tiếp
- (3) Trích dẫn gián tiếp
- (4) Nguồn gốc
- (5) Chú thích

Câu 2

	Trích dẫn trực tiếp	Trích dẫn gián tiếp
Giống nhau	Sử dụng trong văn bản nhằm trình bày những quan điểm, ý kiến từ các tài liệu mà người viết đã tham khảo trong quá trình tạo lập văn bản để hỗ trợ làm rõ cho ý kiến, quan điểm của mình.	
Khác nhau	- Trích nguyên văn. - Đặt trong dấu ngoặc kép.	- Diễn đạt lại theo cách viết của mình, trung thành với văn bản gốc. - Không cần đặt trong dấu ngoặc kép.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Học sinh nhận biết được những lỗi mạch lạc và liên kết trong văn bản, nêu được cách chỉnh sửa hay chủ động chỉnh sửa.
- Học sinh vận dụng để hoàn thành bài tập

b. Nội dung:

- HS thực hiện theo hướng dẫn

c. Sản phẩm: phiếu học tập, câu trả lời.

d. Tổ chức thực hiện.

1. Hướng dẫn HS làm bài tập 1

B1. Chuyển giao nhiệm vụ:

Đọc đoạn văn viết về tác giả Hô-me-rơ và sử thi I-li-át cùng đoạn giới thiệu đoạn trích Héc-tơ từ biệt Ăng-đrô-mác (tr. 103 – 104) và cho biết:

- a. Tại sao lời trích dẫn trong đoạn văn giới thiệu về tác giả Hô-me-rơ không sử dụng dấu ngoặc kép?
- b. Câu văn được đưa vào ngoặc kép trong đoạn văn từ “Héc-tơ từ biệt Ăng-đrô-mác được coi là” đến “sáng tác nghệ thuật thời sau” có nội dung gì?
- c. Phần được đánh dấu ngoặc vuông [...] ở đoạn văn từ “Héc-tơ từ biệt Ăng-đrô-mác được coi là” đến “sáng tác nghệ thuật thời sau” có ý nghĩa gì?

Bài tập 1

a. Lời trích dẫn trong đoạn văn giới thiệu về tác giả Hô-me-rơ không sử dụng dấu ngoặc kép vì đây là lời trích dẫn gián tiếp, tác giả không dùng nguyên văn tài liệu tham khảo.

b. Nội dung của phần được đưa vào ngoặc kép là trích dẫn nguyên vẹn một nhận định của M. Gaxpa-rốp (Mikhail Gasparov).

c. Phần được đánh dấu ngoặc vuông [...] trong đoạn là phần đã được người viết tinh lược, nhằm làm cho các thông tin cô đọng hơn.

Khi sử dụng trích dẫn trực tiếp và trích dẫn gián tiếp, cần lưu ý về luật sở hữu trí tuệ, có thái

- Khi sử dụng trích dẫn cần lưu ý điều gì? B2. HS thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận cặp đôi, thống nhất ý kiến B3. Báo cáo, thảo luận - HS báo cáo, nhận xét B4. Kết luận, nhận định GV nhận xét, cùng HS chuẩn xác kiến thức. HS bổ sung kiến thức vào vở	độ trung thực, và nghiêm cẩn trong sử dụng thành quả trí tuệ của người khác.
2. Hướng dẫn HS làm bài tập 2 CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH: B1 Chuyển giao nhiệm vụ: Đọc đoạn văn trong phần 2 đoạn trích <i>Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời</i>, từ câu: “Thế là Đăm Săn ra đi” đến “Chày của tù trưởng giàu có này giã gạo trông cứ lấp la lấp lánh” và cho biết: a. Phần cước chú ở chân trang bao gồm những thông tin gì, được trình bày bằng hình thức như thế nào? Cho biết chức năng, tác dụng của những thông tin đó. b. Đoạn văn có bao nhiêu cước chú? Các cước chú đó thuộc những loại nào? B2. HS thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận nhóm theo bàn B3. Báo cáo kết quả HS báo cáo kết quả thảo luận Nhóm khác nhận xét, bổ sung B4. Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá, cùng HS chuẩn xác kiến thức	Bài tập 2 a. Phần cước chú chân trang giúp giải nghĩa các từ ngữ, bổ sung, diễn giải chi tiết về các thông tin được nhắc tới trong văn bản, giúp người đọc có thêm tri thức nền để hiểu sâu về văn bản. Trong một văn bản sử thi, những thông tin trong phần cước chú càng đặc biệt quan trọng, giúp người đọc hiểu rõ ngữ cảnh văn hoá xung quanh văn bản. b. Đoạn văn có 2 cước chú, gồm: giải thích từ ngữ, giải thích các điển cố, bổ sung thông tin. *Lưu ý khi đọc các văn bản, đặc biệt là sử thi, cần đọc kỹ các cước chú để hiểu hơn các từ ngữ được sử dụng trong văn bản, có thêm các tri thức nền để hiểu sâu về văn bản. Khi viết, đặc biệt là viết văn bản thông tin, người viết cũng có thể sử dụng các cước chú, đặc biệt là chú thích về nguồn gốc của các trích dẫn trong văn bản, để đảm bảo tính khách quan, minh bạch trong bài viết của mình.
B1 Chuyển giao nhiệm vụ: <i>Tìm ở các bài đã học những ví dụ về trích dẫn (trực tiếp hoặc gián tiếp), cước chú và tình lược trong văn bản?</i> - Theo em việc trích dẫn tài liệu đúng cách sẽ có tác dụng như thế nào trong bài viết? B2. HS thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận cặp đôi B3. Báo cáo kết quả HS báo cáo kết quả thảo luận Nhóm khác nhận xét, bổ sung B4. Kết luận, nhận định	Bài tập 3 Một số cước chú, tình lược trong các văn bản đã học: a) Truyện về các vị thần sáng tạo thế giới: (*) Nhan đề do người biên soạn sách giáo khoa đặt (1) Ngọc Hoàng: còn gọi là Ngọc Hoàng Thượng đế, vua trên trời. Những danh xưng này được đặt ra và cố định hóa ở thời trung đại, trong quá trình thần trụ Trời được tôn giáo hóa. b) Tê-dê:

GV nhận xét, đánh giá, cùng HS chuẩn xác kiến thức	Chàng đã có nhiều cuộc phiêu lưu và tham dự nhiều sự kiện quan trọng đến nỗi ở A-ten người ta có câu “Không có việc gì mà không có Tê-dê” c) Hiền tài là nguyên khí của quốc gia: [...] Tôi dẫu nông cạn vụng về, nhưng đâu dám từ chối, xin kính cẩn chấp tay cúi đầu mà làm bài kí rằng: Vai trò của trích dẫn tài liệu đúng cách - Giúp người đọc dễ dàng tìm thấy nguồn của tài liệu được trích dẫn nếu họ muốn. - Một bài viết được lập luận chặt chẽ với nhiều kiến thức bổ trợ được trích dẫn từ các nguồn uy tín sẽ tăng thêm tính xác thực cho lập luận trong bài viết. - Cho thấy có sự nghiên cứu sâu trong lĩnh vực liên quan của đề tài. - việc trích dẫn tài liệu tham khảo một cách chính xác, đúng nguyên tắc sẽ giúp bài luận của bạn tránh khỏi các vấn đề liên quan đến đạo văn. - Trích dẫn tài liệu tham khảo cũng giúp cải thiện kỹ năng viết của bạn. Việc lựa chọn cách thức trích dẫn gián tiếp sử dụng ý tưởng, kết quả, hoặc ý của một vấn đề trong tác phẩm gốc để diễn tả lại theo cách viết của mình sẽ giúp người viết nâng cao khả năng diễn đạt của mình. Bên cạnh đó, với người viết báo cáo còn phát triển năng lực nghiên cứu: nhờ quá trình tìm kiếm và chọn lọc những thông tin có chất lượng, giúp làm tăng khả năng tự học, tự tìm kiếm thông tin và khai thác thông tin;
--	--

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được quyền tác giả và những quy định về quyền tác giả
- Vận dụng kiến thức thiết kế một infographic giới thiệu về sở hữu trí tuệ và quyền sở hữu trí tuệ

b. Nội dung: thiết kế một infographic

c. Sản phẩm: infographic

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ:

thiết kế một infographic giới thiệu về sở hữu trí tuệ và quyền sở hữu trí tuệ

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

- HS làm việc cá nhân ở nhà

B3. Báo cáo, thảo luận:

- HS nộp bài trên zalo/padlet ...

B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:

GV nhận xét, cùng học sinh bổ sung, chuẩn hóa kiến thức

*** HƯỚNG DẪN HỌC SINH HỌC BÀI Ở NHÀ**

- Học bài cũ và hoàn thành các bài tập
- Chuẩn bị bài 4: *Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề*

VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ

I. Mục tiêu**1. Về năng lực***** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: HS tự tìm kiếm tri thức theo câu hỏi, bài tập định hướng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS làm việc nhóm thực hiện các nhiệm vụ học tập.

*** Năng lực đặc thù:**

- Học sinh nêu được đề tài và vấn đề nghiên cứu được đặt ra trong báo cáo.
- Học sinh trình bày được kết quả nghiên cứu thông qua hệ thống các luận điểm sáng rõ thông tin xác thực.
- Học sinh khai thác được các nguồn tham khảo chính xác, đáng tin cậy; sử dụng các trích dẫn, cước chú và phương tiện hỗ trợ phù hợp, thể hiện sự minh bạch trong việc kế thừa những kết quả nghiên cứu đã có.
- Học sinh biết cách đặt tên và liệt kê danh mục tài liệu tham khảo ở cuối báo cáo.

2. Phẩm chất:

- Yêu nước: Có tình yêu, sự trân trọng với tiếng Việt
- Trách nhiệm: Có ý thức trong việc tạo lập văn bản; Chủ động, tự giác dám thay đổi bản thân.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Thiết bị: Máy tính, màn hình ti vi, phiếu học tập.
- Học liệu: SGK, các hình ảnh, kế hoạch dạy học...

III. Tổ chức hoạt động dạy học

HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế, kết nối vào bài học.
- Học sinh huy động tri thức đã học, sự hiểu biết của bản thân để giải quyết vấn đề.

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi trắc nghiệm**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS**d. Tổ chức thực hiện:****B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

Câu 1: Thế nào là luận điểm trong bài văn nghị luận ?

- A. Là lí lẽ và dẫn chứng đưa ra trong tác phẩm .
- B. Là cảm xúc suy nghĩ của người đọc sau khi cảm nhận tác phẩm.
- C. Là ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm của người nói hoặc người viết.
- D. Là cách sắp xếp các ý theo một trình tự hợp lý.

Câu 2: Thế nào là luận cứ trong bài văn nghị luận

- A. Là ý kiến thể hiện tư tưởng quan điểm của người nói hoặc người viết
- B. Là lí lẽ, dẫn chứng đưa ra làm cơ sở cho luận điểm.
- C. Là cách sắp xếp các ý, các dẫn chứng theo một trình tự hợp lý.
- D. Là nêu cảm xúc, suy nghĩ của người đọc sau khi cảm nhận tác phẩm

Câu 3: Nhận xét nào đúng khi nói về mối quan hệ giữa luận điểm với vấn đề cần giải quyết trong bài văn nghị luận?

- A. Luận điểm và vấn đề cần giải quyết trong bài văn nghị luận không liên quan gì đến nhau.
- B. Luận điểm với vấn đề cần giải quyết trong bài văn nghị luận có mối quan hệ chặt chẽ. Luận điểm cần phải xác thực, phù hợp với yêu cầu giải quyết vấn đề và phải đủ để làm sáng tỏ toàn bộ luận đề.
- C. Vấn đề cần giải quyết trong bài văn nghị luận chỉ là một phần nhỏ của luận điểm.
- D. Cả A,B,C đều sai.

Câu 4: Nhận xét nào đúng nhất khi nói về mối quan hệ giữa các luận điểm trong bài văn nghị luận?

- A. Các luận điểm có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.
- B. Các luận điểm tách rời nhau độc lập không có quan hệ gì với nhau.
- C. Các luận điểm vừa liên kết chặt chẽ lại vừa có sự phân biệt với nhau. Chúng được sắp xếp theo một trình tự hợp lí: Luận điểm trước là cơ sở cho luận điểm sau, luận điểm sau dẫn đến luận điểm kết luận.
- D. Các luận điểm trong bài văn nghị luận có mối quan hệ với nhau chặt chẽ, chúng được sắp xếp tùy theo ý người viết.

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS làm việc cá nhân

B3: Báo cáo sản phẩm:

HS báo cáo kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung

B4: Đánh giá, nhận xét:

GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS và dẫn vào bài học.

HOẠT ĐỘNG 2. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

Học sinh nêu được đề tài và vấn đề nghiên cứu được đặt ra trong báo cáo

Học sinh trình bày được kết quả nghiên cứu thông qua hệ thống các luận điểm sáng rõ thông tin xác thực

Học sinh khai thác được các nguồn tham khảo chính xác, đáng tin cậy; sử dụng các trích dẫn, cước chú và phương tiện hỗ trợ phù hợp, thể hiện sự minh bạch trong việc kế thừa những kết quả nghiên cứu đã có

Học sinh biết cách đặt tên và liệt kê danh mục tài liệu tham khảo ở cuối báo cáo.

b. Nội dung thực hiện:

Học sinh tìm hiểu bài viết tham khảo “Một số dấu ấn của sử thi Ấn Độ Ra – ma – ya – na trong văn hóa Việt Nam”

Học sinh định hướng cách viết báo cáo nghiên cứu

c. Sản phẩm: phiếu học tập, câu trả lời.

d. Tổ chức thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
1. Hướng dẫn HS đọc và phân tích bài viết tham khảo B1. Chuyển giao nhiệm vụ: - Giáo viên yêu cầu HS đọc thật kỹ bài viết tham khảo và tự trả lời các câu hỏi cuối bài - Từ cấu trúc của bài viết dấu ấn của sử thi Ấn Độ Ra-ma-ya-na trong văn hóa Việt Nam. Chia sẻ cấu trúc của một bài nghiên cứu báo cáo B2. HS thực hiện nhiệm vụ Học sinh trả lời câu hỏi Học sinh rút ra được các bước để thực hiện một báo cáo nghiên cứu B3. Báo cáo kết quả Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm HS khác nhận xét, bổ sung B4. Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá, cùng HS chuẩn xác kiến thức	I. Đọc và phân tích bài viết tham khảo 1. Vấn đề (câu hỏi) nghiên cứu của tác giả trong bài viết là gì? Vấn đề nghiên cứu của tác giả trong bài viết là dấu ấn của sử thi Ấn Độ Ra-ma-ya-na trong văn hóa Việt Nam. 2. Để triển khai bài viết, tác giả đã sử dụng những luận điểm chính nào? Những luận điểm chính được tác giả sử dụng để triển khai bài viết là: - Dấu ấn của sử thi Ra-ma-ya-na trong văn học dân gian và văn học viết thời trung đại + Sử thi Tewa Murno được xem là phiên bản bản địa của Ra-ma-ya-na + Dạ thoa vương, truyện truyền kì ra đời dưới thời nhà Trần là một phiên bản tóm lược của sử thi này - Dấu ấn của sử thi Ra-ma-ya-na trong nghệ thuật điêu khắc - Dấu ấn của sử thi Ra-ma-ya-na trong văn hóa đương đại 3. Tác giả đã sử dụng những loại bằng chứng nào để làm sáng tỏ các luận điểm chính? Để làm sáng tỏ các luận điểm chính của mình, tác giả đã đưa ra rất nhiều bằng chứng để chứng minh, có những loại bằng chứng chính sau: - Bằng chứng liên quan đến những đặc trưng của thể loại sử thi: “Trong sử thi của người Chăm... nhân vật” - Bằng chứng liên quan đến văn hóa của dân tộc tiếp nhận dấu ấn (Chăm): “Trong văn hóa cộng đồng của Việt Nam... đậm nét nhất”

		- Bằng chứng liên quan đến vật thể: “Tại bảo tàng điều khắc... sử thi Ấn Độ”
* Cấu trúc của một bài báo cáo nghiên cứu và một số chú ý		
Phần	Nhiệm vụ	Chú ý
Nhan đề	Nêu rõ vấn đề nghiên cứu	- Ngắn gọn, rõ ràng, hấp dẫn
Đặt vấn đề	Giới thiệu vấn đề và quan điểm của người viết	- Nêu khái quát vấn đề
Giải quyết vấn đề	Trình bày các kết quả nghiên cứu chính thông qua hệ thống luận điểm, có các dữ liệu, bằng chứng.	- Luận điểm trình bày theo trình tự nhất quán - Dẫn chứng chính xác, tiêu biểu
Kết luận	Tổng hợp lại vấn đề nghiên cứu và đánh giá tầm quan trọng của vấn đề đó trong nghiên cứu, gợi mở những hướng tiếp cận mới.	- Khẳng định đóng góp của bản báo cáo
Tài liệu tham khảo	Nêu được tên tài liệu và tác giả, xuất xứ tài liệu	- Sắp xếp tên tài liệu hoặc tên tác giả theo trình tự A-Z
2. Hướng dẫn HS thực hành viết B1. Chuyển giao nhiệm vụ: - Lựa chọn đề tài - Tìm ý và lập dàn ý - Viết - Chỉnh sửa và hoàn thiện B2. HS thực hiện nhiệm vụ - Lựa chọn đề tài - Tìm ý và lập dàn ý Chia lớp thành 4 nhóm ngẫu nhiên, bốc thăm đề tài, tìm ý, lập dàn ý (trên giấy A0) + Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Cao Lan ở Yên Sơn hiện nay. + Viết báo cáo nghiên cứu về hình ảnh người phụ nữ qua các sử thi: Đăm Săn, I – li – át; Ra – ma – ya - na. + Viết báo cáo nghiên cứu về hình thức biểu diễn sử thi trong đời sống những người dân Ê đê hiện nay. + Lập dàn ý cho báo cáo nghiên cứu về áp lực đồng trang lứa trong tuổi trẻ học đường hiện nay - Viết (HS làm việc cá nhân)		II. Thực hành viết 1. Chuẩn bị viết - Lựa chọn đề tài: Hãy bắt đầu bằng điều khiến em cảm thấy hứng thú và quan tâm nhất sau khi đọc một tác phẩm văn học hay một tài liệu. Điều gì hấp dẫn? Điều gì muốn tìm hiểu thêm? Có điều gì mâu thuẫn hoặc chưa sáng tỏ hay không? - Thu thập thông tin: Để có được thông tin cần thiết cho báo cáo nghiên cứu, cần tìm đọc các sách, báo có liên quan. Các tài liệu trên mạng cần khai thác, đánh dấu những từ khóa. Trước khi sử dụng thông tin cần kiểm tra độ tin cậy dựa vào những tiêu chí: Tác giả của tài liệu? Có phải chuyên gia uy tín không? Nội dung có khách quan và thuyết phục không? 2. Xây dựng đề cương - Cần tập hợp các thông tin thu thập được thành các ý, xoay quanh những câu hỏi chung: Vấn đề được chọn nghiên cứu có thể triển khai như thế nào? Những khía cạnh nào của vấn đề cần được tập trung tìm hiểu, khám phá? Vấn đề nghiên cứu có ý nghĩa gì? Câu trả lời cho những câu hỏi trên có thể tìm thấy trong những thông tin bạn đã thu thập, từ bước thực hành viết hoặc thu thập thêm (nếu cần) - Đề cương nghiên cứu cần những nội dung sau + Đặt vấn đề: Nêu rõ đề tài và vấn đề nghiên cứu

- Chỉnh sửa và hoàn thiện (Cặp đôi, trao đổi bài để phát hiện lỗi và chỉnh sửa) B3. Báo cáo kết quả HS báo cáo kết quả thảo luận Nhóm khác nhận xét, bổ sung B4. Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá, cùng HS chuẩn xác kiến thức	+ Giải quyết vấn đề: Trình bày các kết quả nghiên cứu chính thông qua hệ thống luận điểm, có các dữ liệu, bằng chứng + Kết luận: Khẳng định kết quả nghiên cứu và ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu, gợi mở những hướng tiếp cận mới. + Tài liệu tham khảo: Ghi rõ tên tác giả, thời gian công bố, tên tài liệu, nơi công bố - Cũng có thể trình bày đề cương dưới dạng sơ đồ. Xác định ý tưởng trung tâm và viết quan điểm nghiên cứu dưới dạng một câu, sau đó phát triển trung tâm thành các ý chính, ý phụ và lựa chọn các dữ liệu, bằng chứng để làm sáng tỏ các ý. 3. Viết - Triển khai mỗi luận điểm đã được xác định trong dàn ý thành một đoạn văn. Mỗi đoạn văn cần có câu chủ đề, được đặt ở đầu hoặc ở cuối câu - Chú ý sử dụng ngôn ngữ phù hợp (sử dụng đại từ nhân xưng “chúng tôi” thay “tôi”, sử dụng các số liệu, thông tin khách quan hay vì nêu nhận định cảm tính) - Sử dụng các từ ngữ liên kết để thể hiện mối quan hệ logic - Cần ghi nguồn đúng cách khi trích dẫn trực tiếp, gián tiếp - Sắp xếp các tài liệu tham khảo theo đúng thông lệ dựa vào trật tự chữ cái đầu trong tên hoặc họ của tác giả - Có thể chọn đưa vào báo cáo nghiên cứu một sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh 4. Chỉnh sửa, hoàn thiện - Phần giới thiệu nêu rõ được vấn đề nghiên cứu, gây sự chú ý và hấp dẫn - Các luận điểm chính được làm sáng tỏ qua những dữ liệu, bằng chứng xác thực, đáng tin cậy - Các phần được sắp xếp theo trật tự logic, có sự liên kết chặt chẽ, không có sự trùng lặp - Không có các thông tin thừa, không liên quan trực tiếp đến đề tài - Bài viết đảm bảo tuân thủ các quy định về chính tả, không mắc lỗi từ ngữ và câu.
HOẠT ĐỘNG 3. VẬN DỤNG a. Mục tiêu: - HS viết được bài báo cáo nghiên cứu một vấn đề - Thể hiện được quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc của mình một cách rõ ràng và thuyết phục.	

b. Nội dung: Viết bài luận

c. Sản phẩm: Bài luận

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ:

Viết bài luận theo đề tài đã chọn.

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

- HS làm việc cá nhân ở nhà

B3. Báo cáo, thảo luận:

- HS nộp bài

B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:

GV nhận xét, cùng học sinh bổ sung, chuẩn hóa kiến thức

Rubrics đánh giá

TIÊU CHÍ	CẦN CÓ GẮNG (Dưới 5 điểm)	ĐẠT YÊU CẦU (Từ 5 – dưới 7 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (Từ 7 – dưới 8 điểm)	XUẤT SẮC (Từ 8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	- Bài làm còn sơ sài, trình bày câu thả. - Sai lỗi nhiều chính tả.	- Bài làm còn sơ sài, trình bày tương đối đầy đủ, đáp ứng tương đối về kiến thức cần đạt. - Sai một số lỗi chính tả.	- Bài làm tương đối đầy đủ, đáp ứng tương đối kiến thức cần đạt. - Không có lỗi chính tả.	- Bài làm đầy đủ, đảm bảo đúng theo yêu cầu. - Khoa học, có sự sáng tạo. - Không mắc lỗi.
Nội dung (7 điểm)	- Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm. - Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn. - Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện.	- Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn. - Trả lời đúng trọng tâm. - Có ít nhất 1 ý mở rộng nâng cao.	- Trả lời tương đối đúng và đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn. - Trả lời đúng trọng tâm. - Có ít nhất 2 ý mở rộng nâng cao.	- Trả lời tốt các câu hỏi gợi dẫn - Trả lời đúng trọng tâm - Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao trở lên. - Có sự sáng tạo

*** HƯỚNG DẪN HỌC SINH HỌC BÀI Ở NHÀ**

- Học bài cũ và hoàn thành các bài tập

- Chuẩn bị bài 4:

NHIỆM VỤ TRƯỚC KHI HỌC	
Trả lời các câu hỏi	
<i>Báo cáo nghiên cứu là văn bản như thế nào?</i>	

<i>Vấn đề nghiên cứu trong báo cáo nghiên cứu có đặc điểm gì?</i>		
<i>Cần làm gì để thực hiện viết một báo cáo nghiên cứu?</i>		

C. NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ

I. Mục tiêu

1. Về năng lực

* Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học:

+ HS biết chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ của bản thân trong học tập.

+ HS biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp

+ HS biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS làm việc nhóm thực hiện các nhiệm vụ học tập.

* Năng lực đặc thù:

- Năng lực văn học:

+ Phát hiện và phân tích một số yếu tố của sử thi: không gian, thời gian, cốt truyện nhân vật ...

+ Phát hiện và cảm nhận được một số chi tiết tiêu biểu

+ Biết cách thể hiện nghệ thuật thuyết phục trong văn nghị luận.

- Năng lực ngôn ngữ:

+ Trình bày được diễn biến của cuộc thảo luận.

+ Nêu được quan điểm, nhận định của bản thân về vấn đề thảo luận.

2. Phẩm chất:

- Có thái độ tích cực trong lắng nghe, trình bày ý kiến trong cuộc thảo luận.

- Thể hiện được thái độ tán thành hay phản đối đối với những ý kiến đã được trình bày.

- Tôn trọng người đối thoại để cùng tìm tiếng nói chung về vấn đề.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Thiết bị: Máy tính, màn hình ti vi, phiếu học tập.

- Học liệu: SGK, các hình ảnh, kế hoạch dạy học...

III. Tổ chức hoạt động dạy học

HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: - Tạo tâm thế, kết nối vào bài học. - Học sinh huy động tri thức đã học, sự hiểu biết của bản thân để giải quyết vấn đề. b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS d. Tổ chức thực hiện: B1: Chuyển giao nhiệm vụ: <i>Theo em, cần chuẩn bị những gì để hoạt động nói nghe đạt hiệu quả (gợi ý về phía người nói, về phía người nghe?). Đề tài người nói ở tiết trước đã quan tâm là gì ?</i> B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân B3: Báo cáo sản phẩm: HS báo cáo kết quả, HS khác nhận xét, bổ sung B4: Đánh giá, nhận xét: GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS và dẫn vào bài học.									
HOẠT ĐỘNG 2. LUYỆN TẬP HOẠT ĐỘNG NÓI VÀ NGHE a. Mục tiêu: - HS trình bày được bài báo cáo nghiên cứu đã chuẩn bị - HS nêu được quan điểm, nhận định của bản thân về vấn đề thảo luận. b. Nội dung: Hoạt động nói và nghe với các chủ đề đã chuẩn bị c. Sản phẩm: phiếu học tập, câu trả lời. d. Tổ chức thực hiện.									
Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm								
1. Chuẩn bị bài nói, nghe B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Kiểm tra phần chuẩn bị Phân công thành viên B2. HS thực hiện nhiệm vụ - Các nhóm HS kiểm tra lại phần chuẩn bị ở nhà, chú ý vào những yêu cầu của người nói người nghe. - HS chuẩn bị bài nói dựa vào nhiệm vụ phân vai đã chuẩn bị trước ở nhà. - Các nhóm thống nhất cử đại diện trình bày B3. Báo cáo, thảo luận - HS báo cáo các việc đã chuẩn bị B4. Kết luận, nhận định	1. Chuẩn bị bài nói, nghe <table border="1"> <thead> <tr> <th>Người nói</th><th>Người nghe</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tóm tắt báo cáo kết quả nghiên cứu đã viết (khoảng 2/3 trang giấy).</td><td>Tìm hiểu trước về chủ đề báo cáo nghiên cứu của các nhóm khác.</td></tr> <tr> <td>Ghi chú các luận điểm chính, các ngữ liệu minh họa cần được nêu khi thuyết trình.</td><td>Chuẩn bị một số câu hỏi về các chủ đề đó để tiện theo dõi nội dung trình bày.</td></tr> <tr> <td>Chuẩn bị powerpoint với các thông tin chất lượng, hình ảnh, video minh họa sinh động</td><td>Tìm kiếm thêm tri thức liên quan đến các chủ đề được trình bày.</td></tr> </tbody> </table>	Người nói	Người nghe	Tóm tắt báo cáo kết quả nghiên cứu đã viết (khoảng 2/3 trang giấy).	Tìm hiểu trước về chủ đề báo cáo nghiên cứu của các nhóm khác.	Ghi chú các luận điểm chính, các ngữ liệu minh họa cần được nêu khi thuyết trình.	Chuẩn bị một số câu hỏi về các chủ đề đó để tiện theo dõi nội dung trình bày.	Chuẩn bị powerpoint với các thông tin chất lượng, hình ảnh, video minh họa sinh động	Tìm kiếm thêm tri thức liên quan đến các chủ đề được trình bày.
Người nói	Người nghe								
Tóm tắt báo cáo kết quả nghiên cứu đã viết (khoảng 2/3 trang giấy).	Tìm hiểu trước về chủ đề báo cáo nghiên cứu của các nhóm khác.								
Ghi chú các luận điểm chính, các ngữ liệu minh họa cần được nêu khi thuyết trình.	Chuẩn bị một số câu hỏi về các chủ đề đó để tiện theo dõi nội dung trình bày.								
Chuẩn bị powerpoint với các thông tin chất lượng, hình ảnh, video minh họa sinh động	Tìm kiếm thêm tri thức liên quan đến các chủ đề được trình bày.								

GV kết luận							
2. Thực hành nói và nghe B1. Chuyển giao nhiệm vụ: - Các nhóm lần lượt trình bày bài nói - Các nhóm còn lại giữ nhiệm vụ người nghe, hoán đổi cho nhau về vai trò B2. HS thực hiện nhiệm vụ Người nói trình bày nội dung đã chuẩn bị Người nghe theo dõi và hoàn thành phiếu nhận xét, đánh giá B3. Báo cáo kết quả - HS các nhóm tiến hành góp ý, chia sẻ B4. Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá, cùng HS chuẩn xác kiến thức	2. Thực hành nói và nghe a. Yêu cầu của người nói: <table border="1"> <tr> <td>Mở đầu</td><td>Nêu được tên và lí do chọn vấn đề nghiên cứu; trình bày ngắn gọn về quá trình thực hiện.</td></tr> <tr> <td>Triển khai</td><td>Trình bày tóm tắt các luận điểm; kết hợp trình chiếu; sử dụng ngôn ngữ hình thể.</td></tr> <tr> <td>Kết luận</td><td>Khái quát lại những kết quả nghiên cứu chính; cảm ơn người nghe; thái độ sẵn sàng tiếp nhận.</td></tr> </table> b. Yêu cầu với người nghe - Theo dõi cách trình bày của người nói, ghi ra giấy những câu hỏi, thông tin còn thắc mắc trong quá trình nghe. - Thực hiện Phiếu nhận xét đánh giá người nói.	Mở đầu	Nêu được tên và lí do chọn vấn đề nghiên cứu; trình bày ngắn gọn về quá trình thực hiện.	Triển khai	Trình bày tóm tắt các luận điểm; kết hợp trình chiếu; sử dụng ngôn ngữ hình thể.	Kết luận	Khái quát lại những kết quả nghiên cứu chính; cảm ơn người nghe; thái độ sẵn sàng tiếp nhận.
Mở đầu	Nêu được tên và lí do chọn vấn đề nghiên cứu; trình bày ngắn gọn về quá trình thực hiện.						
Triển khai	Trình bày tóm tắt các luận điểm; kết hợp trình chiếu; sử dụng ngôn ngữ hình thể.						
Kết luận	Khái quát lại những kết quả nghiên cứu chính; cảm ơn người nghe; thái độ sẵn sàng tiếp nhận.						
3. Trao đổi và đánh giá bài nói B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Các nhóm HS tiến hành trao đổi, thảo luận sau phần báo cáo. B2. HS thực hiện nhiệm vụ - Người nghe đưa ra các góp ý, nhận xét hoặc câu hỏi về bài nói. - Người nghe, người nói đối thoại trên tinh thần cởi - Thực hiện đánh giá và tự đánh giá dựa trên các tiêu B3. Báo cáo kết quả - HS các nhóm tiến hành góp ý, chia sẻ B4. Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá, cùng HS chuẩn xác kiến thức	3. Trao đổi, thảo luận <table border="1"> <tr> <th colspan="2">Tiêu chí trao đổi, thảo luận</th></tr> <tr> <td>Kết quả nghiên cứu</td><td> - Chọn được vấn đề có ý nghĩa, gây hứng thú. - Vận dụng được các thao tác nghiên cứu cơ bản. - Đảm bảo phù hợp giữa kết quả với mục tiêu nghiên cứu. </td></tr> <tr> <td>Cách trình bày</td><td> - Duy trì phong thái tự tin, chủ động. - Sử dụng hiệu quả các phương tiện hỗ trợ. - Điều chỉnh cách trình bày phù hợp với sự chú ý của người nghe. </td></tr> </table>	Tiêu chí trao đổi, thảo luận		Kết quả nghiên cứu	- Chọn được vấn đề có ý nghĩa, gây hứng thú. - Vận dụng được các thao tác nghiên cứu cơ bản. - Đảm bảo phù hợp giữa kết quả với mục tiêu nghiên cứu.	Cách trình bày	- Duy trì phong thái tự tin, chủ động. - Sử dụng hiệu quả các phương tiện hỗ trợ. - Điều chỉnh cách trình bày phù hợp với sự chú ý của người nghe.
Tiêu chí trao đổi, thảo luận							
Kết quả nghiên cứu	- Chọn được vấn đề có ý nghĩa, gây hứng thú. - Vận dụng được các thao tác nghiên cứu cơ bản. - Đảm bảo phù hợp giữa kết quả với mục tiêu nghiên cứu.						
Cách trình bày	- Duy trì phong thái tự tin, chủ động. - Sử dụng hiệu quả các phương tiện hỗ trợ. - Điều chỉnh cách trình bày phù hợp với sự chú ý của người nghe.						
HOẠT ĐỘNG 3. VẬN DỤNG a. Mục tiêu: - HS chia sẻ được bài nói thuyết phục người khác - Thể hiện được quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc của mình một cách rõ ràng và thuyết phục.							

b. Nội dung: Bài nói

c. Sản phẩm: video bài nói

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ:

Chuẩn bị bài nói *Ý nghĩa của tác phẩm sử thi Đăm Săn với đời sống con người hiện đại*

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

- HS làm việc cá nhân ở nhà

B3. Báo cáo, thảo luận:

- HS nộp bài trên zalo/padlet/youtobe

B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:

GV nhận xét, cùng học sinh bổ sung, chuẩn hóa kiến thức

*** HƯỚNG DẪN HỌC SINH HỌC BÀI Ở NHÀ**

- Học bài cũ và hoàn thành các bài tập

- Chuẩn bị bài 4: *Nói và nghe: Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề*

PHIẾU CHUẨN BỊ NÓI VÀ NGHE		
NHÓM	CHỦ ĐỀ NÓI VÀ NGHE	YÊU CẦU
1	Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Cao Lan ở Yên Sơn hiện nay.	- Các nhóm phân công nhiệm vụ xây dựng dàn ý và trình bày chủ đề - Nhóm phân vai các thành viên thực hiện nhiệm vụ người nói, người nghe
2	Viết báo cáo nghiên cứu về hình ảnh người phụ nữ qua các sử thi: Đăm Săn, I – li – át; Ra – ma – ya - na.	
3	Viết báo cáo nghiên cứu về hình thức biểu diễn sử thi trong đời sống những người dân Ê đê hiện nay.	
4	Báo cáo nghiên cứu về áp lực đồng trang lứa trong tuổi trẻ học đường hiện nay	

PHỤ LỤC

PHIẾU ĐÁNH GIÁ NHẬN XÉT

Người đánh giá:

Người báo cáo:

STT	Tiêu chí	Nội dung đánh giá	Kết quả	
			Đạt	Chưa đạt

1	Nội dung thuyết minh	Vấn đề thuyết trình có thú vị, ý nghĩa, giúp người nghe có thêm hiểu biết mới.		
		Thông tin về quá trình nghiên cứu và kết quả nghiên cứu chính được thuyết trình rõ ràng, mạch lạc.		
		Bài thuyết trình đảm bảo được bố cục: Mở đầu, Triển khai, Kết luận.		
2	Cách thuyết trình	Người nói có phong thái tự tin, diễn đạt lưu loát, truyền cảm.		
		Người nói sử dụng hiệu quả ngôn ngữ hình thể trong giao tiếp.		
		Các phương tiện hỗ trợ được vận dụng hiệu quả (Powerpoint, ảnh, sơ đồ, video...).		
3	Sự tương tác	Người nói tương tác tích cực với người nghe khi thuyết trình.		
		Người nói có tinh thần cầu tiến khi trao đổi, đối thoại với người nghe.		

Phụ lục 3: Rubric đánh giá bài nói

Tiêu chí	Cần cố gắng	Đã làm tốt	Rất xuất sắc
Nội dung (7 điểm)	1 ->4 điểm: Nội dung khá đầy đủ, chưa đi sâu làm rõ được trọng tâm, có các luận điểm nhưng còn thiếu, sắp xếp chưa khoa học, chưa chỉ ra ý nghĩa của nghiên cứu... Dữ liệu bằng chứng chưa đầy đủ, thuyết phục...	5->6 điểm điểm: Nội dung đầy đủ, có trọng tâm.có các luận điểm nhưng còn thiếu, sắp xếp đôi chỗ chưa khoa học, đã chỉ ra ý nghĩa của nghiên cứu... Dữ liệu bằng chứng khá đầy đủ, thuyết phục...	7 điểm điểm: Nội dung đầy đủ, có trọng tâm.có các luận điểm, sắp xếp luận điểm khoa học, đã chỉ ra ý nghĩa của nghiên cứu... Dữ liệu bằng chứng đầy đủ, thuyết phục...
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả, chưa tự tin, lỗi diễn đạt, câu chưa chuẩn ngữ pháp...	2 điểm Bài làm trình bày tương đối hài hòa hợp lý, đã có sử dụng các bản trình chiếu, vi deo hỗ trợ..còn 1 vài lỗi sai về chính tả, câu chưa chuẩn...	3 điểm Bản trình bày hấp dẫn, lô gic, có sử dụng trình chiếu kết hợp vi deo, hình ảnh minh họa...đạt hiệu quả cao, không lỗi chính tả
Điểm			
Tổng			

B. VIẾT

TRẢ BÀI VIẾT

BÀI LUẬN THUYẾT PHỤC NGƯỜI KHÁC TỪ BỎ MỘT THÓI QUEN HAY MỘT QUAN NIỆM

I. Mục tiêu:

1. Năng lực

* Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề (thực hiện nhiệm vụ trước các vấn đề được cung cấp).
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề
- Năng lực tiếp thu, rèn luyện kỹ năng sửa chữa lỗi trong bài kiểm tra của bản thân và của bạn.

* Năng lực đặc thù:

- Kỹ năng đọc hiểu văn bản, trình bày, diễn đạt, cách hành văn.
- Biết thảo luận về bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề.
- Nhận ra được những ưu điểm và thiếu sót trong bài làm của mình về kiến thức và khả năng viết.

2. Phẩm chất: Trách nhiệm, nghiêm túc chỉnh sửa những lỗi trong bài kiểm tra

II. Thiết bị dạy học và học liệu:

- Ti vi, máy tính, kế hoạch bài dạy
- Phiếu học tập, bài viết

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong văn bản.

b. Nội dung: HS trình bày sản phẩm

c. Sản phẩm: Tài liệu sưu tầm

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

HS sưu tập một số báo cáo nghiên cứu và chia sẻ thông tin mà mình thu thập được trước cả lớp.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

HS chia sẻ thông tin mà mình thu thập được trước cả lớp.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận:

Học sinh chia sẻ

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:

Giáo viên dẫn dắt vào bài học.

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP NHẬN XÉT VÀ TRẢ BÀI

a. Mục tiêu:

- Chỉ ra được những yêu cầu cần thiết khi báo cáo nghiên cứu về một vấn đề
- Hiểu được những đặc điểm và yêu cầu của một đoạn văn nghị luận thuyết phục.

b. Nội dung:

- Nhận xét bài của HS
- Trả bài cho HS, tự chỉnh sửa và hoàn thiện

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Nhắc lại yêu cầu của bài báo cáo trình bày một vấn đề

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

HS trả lời

HS khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Nhận xét, đánh giá

GV nhận xét, đánh giá cùng HS chuẩn xác kiến thức.

1. Yêu cầu của bài báo cáo trình bày một vấn đề

a) Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề là giới thiệu, thuyết trình trước người nghe về một vấn đề đã được nghiên cứu, tìm hiểu

b) Đề trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề, các em cần:

- Xác định rõ người nghe là ai để có cách trình bày phù hợp.
- Hiểu rõ nội dung vấn đề để có thể trình bày một cách rõ ràng, tự tin, cảnh xác,...
- Xác định thời lượng trình bày bài thuyết trình Chuẩn bị dàn ý bài thuyết trình và các thiết bị hỗ trợ (hiện vật, tranh ảnh, máy chiếu,...)
- Biết trình bày vấn đề theo trình tự ba phần mở đầu, nội dung và kết thúc, nói rõ ràng, có cảm xúc, biết kết hợp với các yếu tố phi ngôn ngữ và các thiết bị hỗ trợ.
- Tiến hành việc chuẩn bị (có thể chuẩn bị theo nhóm, tìm hiểu tài liệu trên sách, báo, Internet,) và dự kiến các câu hỏi mà người nghe có thể đặt ra khi thảo luận.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Xem lại bài và đọc kĩ lời phê của GV.
- Tự sửa các lỗi về dùng từ, đặt câu, bố cục, liên kết.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Rà soát lại bài viết theo thang đánh giá kết quả bài viết

2. Nhận xét về kết quả bài viết và yêu cầu sửa chữa bài viết

- Công bố thang đánh giá bài viết.
- Nhận xét về mức độ đáp ứng yêu cầu ở các bài viết của HS.
- Chọn đọc và phân tích một số bài viết thuộc các mức độ khác nhau theo thang

Bước 3: Báo cáo kết quả HS trình bày những kinh nghiệm để rèn kĩ năng với kiểu văn bản báo cáo trình bày một vấn đề Bước 4: Nhận xét, đánh giá GV Nhận xét, đánh giá về mức độ đáp ứng yêu cầu của HS, chọn đọc và phân tích bài viết ở mức độ khác nhau theo thang đánh giá để giúp HS nhận ra ưu điểm, nhược điểm, đặc biệt chỉ cho HS những lỗi về mạch lạc, liên kết trong bài viết.	đánh giá để giúp HS nhận ra những điều cần phát huy hoặc bổ cứu. Đặc biệt, cần chỉ cho HS thấy rõ những lỗi về mạch lạc và liên kết trong bài viết - một loại lỗi đã được đề cập ở phần Thực hành tiếng Việt. - Trả bài cho HS yêu cầu sửa chữa theo hướng dẫn trong SGK và theo những điều vừa phân tích, bổ sung
HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG a. Mục tiêu: Học sinh chỉnh sửa hoàn thiện bài viết b. Nội dung: HS hoàn thành bài báo cáo trình bày một vấn đề c. Sản phẩm: Bài văn của HS d. Tổ chức thực hiện: Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Đọc lại bài văn đã viết, chỉnh sửa để soát lại nội dung, xem bài của bản thân đã đạt yêu cầu chưa? Các nội dung chưa đạt chỉnh sửa lại để hoàn thiện. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh làm việc cá nhân. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét, cùng học sinh bổ sung, chuẩn hóa kiến thức	

THANG ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ BÀI VIẾT						
Tiêu chí ĐG	Điểm TC	Giỏi (10 – 8,0)	Khá (7,9 – 6,5)	TB (6,4 – 5,0)	Yếu (4,9 – 0,0)	Điểm ĐG
		Bài viết có 3 phần chính, có đủ ý chính theo dàn ý đã có	Bài viết có 3 phần hoàn chỉnh. Các ý chính đạt 70-90%.	Bài viết có 3 phần hoàn chỉnh. Các ý chính đạt 50-69%.	Bài viết không đủ 3 phần hoàn chỉnh. Các ý chính đạt 10 - 49%.	
		Phân tích cụ thể, rõ ràng theo dàn ý với	Nội dung phân tích đạt từ 70 - 90% yêu cầu,	Nội dung đạt từ 50-69% yêu cầu, trong đ	Nội dung đạt dưới 40% yêu cầu, lí lẽ và	

		lí lẽ và dẫn chứng cụ thể, sinh động.	cứ liệu ít hoặc chưa tiêu biểu, trong đó phải có phần phân tích tác hại của vấn đề và định hướng hành động.	phải có phân tích tác hại của vấn đề và định hướng hành động.	dẫn chứng sơ sài.	
		Diễn đạt mạch lạc, sáng rõ, sử dụng ngôn từ đúng đặc trưng kiểu bài, biết cách sử dụng các thủ pháp nghệ thuật để làm cho bài viết sinh động, giàu cảm xúc, giàu tính nghệ thuật	Diễn đạt rõ ràng, lưu loát, sử dụng ngôn từ đúng đặc trưng kiểu bài, còn hạn chế về sử dụng các thủ pháp nghệ thuật, còn mắc lỗi diễn đạt (1-5 lỗi).	Diễn đạt chưa rõ ràng, lưu loát, mạch lạc, có ý thức sử dụng ngôn từ theo kiểu bài nhưng không ổn định, mắc lỗi. từ 5-10 lỗi diễn đạt.	Diễn đạt không mạch lạc, ngôn từ không đúng đặc trưng kiểu bài, mắc từ 10 lỗi diễn đạt trở lên	